

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

BỘ Y TẾ



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Đối tượng: **CHUYÊN KHOA II – YHCT**

HÀ NỘI - 2023

BỘ Y TẾ  
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM  
Số: 2004/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền và chuyên khoa I ngành Châm cứu

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

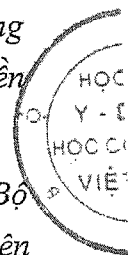
Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-HVYDCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-HVYDCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Châm cứu và chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

TIẾN  
SĨ  
CHUYÊN  
KHOA  
I

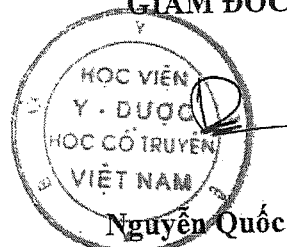
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính kế toán, các Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Y học lâm sàng, Dược và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

**GIÁM ĐỐC**



HỌC VIỆN  
Y - DƯỢC  
HỌC CỔ TRUYỀN  
VIỆT NAM

**Nguyễn Quốc Huy**

1  
2  
3

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:  
TIN HỌC NÂNG CAO**

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học:

\*Tiếng Việt: Tin học nâng cao

\* Tiếng Anh: Advanced informatics

- Mã Học phần/ Môn học: 321101

- Số tín chỉ: 2TC(0,5LT/1,5TH)

+ Lý thuyết: 7.5 tiết

+ Thực hành: 45 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết

+ Thời gian tự học: ..... tiết

- Đối tượng học: Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Tin học đại cương và ứng dụng

+ Học phần học trước (đã học): Tin học đại cương và ứng dụng, Tin học ứng dụng CKI, phương pháp nghiên cứu và thống kê xã hội.

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com

2	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	<a href="mailto:lanem79vatm@gmail.com">lanem79vatm@gmail.com</a>
3	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	<a href="mailto:hoangthuhang2183@yahoo.com">hoangthuhang2183@yahoo.com</a>
4	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	<a href="mailto:nguyentukhaothi@gmail.com">nguyentukhaothi@gmail.com</a>
5	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	<a href="mailto:Trinhnt83@gmail.com">Trinhnt83@gmail.com</a>
6	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	<a href="mailto:hienloveu2101@gmail.com">hienloveu2101@gmail.com</a>
7	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	<a href="mailto:nguyenducvatm@gmail.com">nguyenducvatm@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	- Có kiến thức nâng cao về tìm kiếm tài liệu tham khảo, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và chương trình SPSS.
MT HP2	- Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google drive - Áp dụng được phần mềm Endnote giúp tự động hóa việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo. - Vận dụng phần mềm SPSS, tạo ra mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; nhận diện dữ liệu trên bảng hỏi, tạo biến chứa dữ liệu trên SPSS, đưa phương pháp phân tích phù hợp và thao tác chạy các bảng phân tích trên máy.
MT HP3	Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	2		
MT HP2	3		
MT HP3			2

### 4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
-------------	-----------------------

CLO1	Trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao về tìm kiếm tài liệu tham khảo, chương trình trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote và chương trình SPSS.
CLO2	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng cơ bản về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google drive.
CLO3	Giúp sinh viên trích dẫn, quản lý được tài liệu tham khảo vào chương trình Word.
CLO4	Sử dụng được phần mềm SPSS để nhập, mã hóa dữ liệu; chuyển file dữ liệu từ Excel, thực hiện phân tích và giải thích được các thống kê suy luận ứng dụng vào việc làm báo cáo luận văn, nghiên cứu và một số báo cáo thực tế tại bệnh viện.
CLO5	Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)**

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	2						
CLO 2	3		2				
CLO 3	3		2				
CLO 4	3		2				
CLO5						2	

**6. Yêu cầu của học phần/ mô đun**

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, máy tính, loa, mic, phấn, bảng ...

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1.	Phòng thực hành Tin học 405
2.	Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22
3.	Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China
4.	Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng.

## 6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có tài liệu học tập (giáo trình và các tài liệu tham khảo tại lục 10).
- Dự lớp học lý thuyết: Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/Thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành; chuẩn bị lý thuyết trước khi đến thực hành.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học; Xem bài học trước và chuẩn bị cho bài học học mới; Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Tham gia và đạt 100% bài thực hành. Bài kiểm tra thường xuyên phải từ 4 điểm trở lên (thang điểm 10).

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tin học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp. Cụ thể sử dụng các dịch vụ Internet nâng cao trong tìm kiếm tài liệu tham khảo; sử dụng chương trình Endnote để chèn tài liệu tham khảo vào đề tài, luận văn; ứng dụng Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi có mối liên kết dữ liệu từ Excel đến SPSS; từ đó sử dụng phần mềm SPSS nhằm mục đích quản lý, phân tích, xử lý thống kê dữ liệu trong nghiên cứu y sinh học.

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

### 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CDR:

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/K T/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>I. Tìm kiếm và sử dụng thông tin y học nâng cao</b>	<b>1/0/2</b>		CLO1			
	1. Các loại OPACs.	1					Không



Buổi 1 (1tiết)	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí		Học viên biết địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu trực tuyến như sách, bài báo và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y, dược		1. Thuyết trình  2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	Đọc quyển giáo trình Tin học nâng cao, trang 3-13, BTTH:bài tập 1-9 trang 83 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	
	3. Thông tin y học trực tuyến						
	<b>II. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote</b>	3/0/6		CLO1			
Buổi 1 (3 tiết)	1. Giới thiệu phần mềm	1	- Hiểu được việc quản lý, trích dẫn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học.		1. Thuyết trình  2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	Đọc quyển giáo trình Tin học nâng cao, trang 14-35, BTTH:bài tập 1-4 trang 84,85 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Tạo một thư viện EndNote mới						
	3. Trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word	2					
	4. Quản lý file EndNote						
	<b>III. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS</b>	3.5/0/7		CLO1			

Buổi 2 (3.5tiết)	1. Giới thiệu phần mềm SPSS, quản lý dữ liệu trên SPSS	0.5	- Học viên có kiến thức cần thiết về quản lý dữ liệu, xử lý và phân tích số liệu trong các báo cáo bằng phần mềm SPSS		1. Thuyết trình	Độc quyền giáo trình Tin học cao học, trang 36-82, BTTH:bài tập 1-5 trang 86-91.	Không
	2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả	1					
	3. Biểu đồ						
	4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	1					
	5. Kiểm định về trung bình	1					
					2. Động não	2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,	
					3. Giải quyết vấn đề	3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với CDR

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiều ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	<b>1. Tìm kiếm và sử dụng thông tin</b>	<b>10/0/10</b>		CLO2				
	1.1. Các loại OPACs.	4/0/4						
Buổi 1 (4 tiết)	1.2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí 1.3. Thông tin y học trực tuyến	4/0/4	Học viên biết địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu, tìm kiếm download trực tuyến như sách, bài báo		- Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn	Trình chiếu, thuyết trình, làm mẫu, thực	Độc quyền giáo trình Tin học nâng	Không
Buổi 2 (4 tiết)	1.4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	2/0/2						

Buổi 3 (2 tiết)			và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y dược học.		hình CMS 22 - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITAC HI China - Hệ	hành luyện tập trực tiếp trên máy tính, chia nhóm	cao, trang 3-13, 2. Chuẩn bị theo yêu cầu trong BTTH: bài tập 1-9 trang 83 3. Thực hiện theo mục 6.2	
	<b>2. Phần mềm quản lý tài liệu tham khảo Endnote</b>	<b>14/0/14</b>		CLO3	thông tin mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA			
Buổi 3 (2 tiết)	2.1. Giới thiệu phần mềm 2.2. Cài đặt và khởi động Endnote	2/0/2	- Quản lý và tạo danh mục tài liệu tham khảo. - Thao tác được việc tự động hóa việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học.			Trình chiếu, thuyết trình, làm mẫu, thực hành luyện tập trực tiếp trên máy tính, chia nhóm	Đọc quyển giáo trình Tin học cao học, trang 14-35, 2. Chuẩn bị theo yêu cầu trong BTTH: bài tập 1-4 trang 84,85	Không
Buổi 4 (4 tiết)	2.3. Tạo một thư viện EndNote mới 2.4. Ứng dụng Endnote trích dẫn tài liệu tham khảo trong Word	4/0/4						
Buổi 5 (4 tiết)	2.5. Quản lý file EndNote (sắp xếp, tìm kiếm và tạo các nhóm tài liệu)	4/0/4						
Buổi 6 (4 tiết)	2.6. Sử dụng mẫu bản thảo của EndNote trong Word 2.7. Tìm kiếm trợ giúp trong EndNote	4/0/4						

							3. Thực hiện theo mục 6.2	
	<b>3. Phần mềm phân tích và xử lý dữ liệu SPSS</b>	<b>21/0/21</b>		CLO4				
Buổi 7 (4 tiết)	3.1. Xử lý dữ liệu trên SPSS	4/0/4	- Học viên có kiến thức, kỹ năng cần thiết về xử lý và phân tích số liệu trong các báo cáo định lượng bằng phần mềm SPSS - Học viên đọc kết quả, kỹ thuật thống kê so sánh giữa các nhóm.		Trình chiếu, thuyết trình, làm mẫu, thực hành luyện tập trực tiếp trên máy tính, chia nhóm	Đọc quyền giáo trình Tin học cao học, trang 36-82, 2. BTTH: bài tập 1-5 trang 86-91. 3. Thực hiện theo mục 6.2	Không	
	3.2. Lập bảng tần số và tính các đại lượng thống kê mô tả	4/0/4						
Buổi 8 (4 tiết)	3.3. Biểu đồ	4/0/4						
	3.4. Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	4/0/4						
Buổi 9 (4 tiết)	3.5. Kiểm định về trung bình							
Buổi 10 (4 tiết)	3.6. Phân tích phương sai (ANOVA)	5/0/5						
Buổi 11 (4 tiết)								
<b>Tổng số</b>		<b>45/0/45</b>						

## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 9.2. Rubric:

#### 9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

#### 9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

#### 9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	30%	Điểm thi lý thuyết	Hỏi thi trực tiếp			CLO1,2,3,4	Hỏi thi trực tiếp theo các câu hỏi lý thuyết Bộ môn đã chuẩn bị
Thực hành	70%	Điểm thi thực hành	Thi trực tiếp trên máy tính			CLO1,2,3,4	Thi thực hành trực tiếp trên máy tính tại phòng thực tập Tin học. Mỗi học viên một đề khác nhau. Bộ môn sẽ phân công 02 cán bộ trông thi, các giảng viên chấm bài thi trực tiếp. Kết quả thi sẽ được công khai luôn ngay sau mỗi buổi thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần:* Điểm lý thuyết \* 30% + điểm thực hành \* 70%

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CKII*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Hà Xuân Bộ & Đỗ Đức Lâm, *Hướng dẫn sử dụng phần mềm endnote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo*, Học viện Nông nghiệp Hà Nội(2019).

[2]. Bộ quốc phòng Học viện quân Y, *Giáo trình xử lý số liệu thống kê y học bằng SPSS*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân Hà Nội(2022)

[3]. Bộ môn Toán - Tin, *Lý thuyết SPSS và ứng dụng trong Y–sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[4]. Bộ môn Toán - Tin, *Thực hành SPSS và ứng dụng trong Y-sinh học*, Đại học Y Dược Hà Nội(2016).

[5]. Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

### 11. Hướng dẫn thực hiện

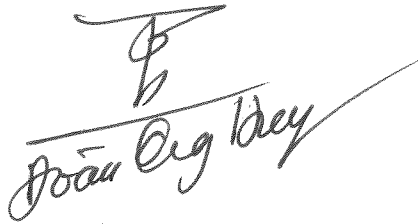
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)




**TM BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Văn Tuyết**

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày 10 tháng 08 năm 2023</i>	<b>Người cập nhật</b>  <b>Bùi Thị Lan Anh</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: Các tác phẩm Y học cổ truyền ( Ydịch, Hải Thượng Y tông tâm lĩnh)

\* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 07 LT ( 02 Y dịch, 04 HTYTTL)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 90 tiết

+ Thực hành: 90 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: 200 giờ

- Đối tượng học: Học viên chuyên khoa II YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa lun tốt nghiep <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	Ngaidytw72@yahoo.com
2	Trương Việt Bình	0369688688	
3	Vũ Nam	0978163646	
4	Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
5	Nguyễn Duy Tuấn	0828991883	tuanzibi@gmail.com

**3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)**

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

<p style="text-align: center;"><b>2</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Mục tiêu</b> <b>(Gx) [1]</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Mô tả mục tiêu [2]</b> (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</p>	<p style="text-align: center;"><b>CDR của CTĐT [3]</b> (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Mức độ [4]</b> (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</p>
1	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức đúng về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Y dịch</li> <li>- Trình bày đúng và sâu sắc về Tiên thiên bát quái. Hậu thiên bát quái, Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT</li> </ul>	<p>CDR 2 CDR4 CDR 5</p>	03
2	<p><b>Kỹ năng :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp và phân tích đúng về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT</li> <li>- Vận dụng tốt các Học thuyết và Y huấn cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe nhân dân</li> <li>- Vận dụng tốt kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền</li> </ul>	<p>CDR 2 CDR 4 CDR 5 CDR 6</p>	03
3	<p><b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện tốt thái độ, trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp và đạo đức trong hành nghề theo Y huấn cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe</li> </ul>	<p>CDR 4 CDR 7</p>	03



2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nhân dân - Tiếp thu đầy đủ cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng. Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần tốt trong nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ		

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Nhận thức đúng về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Y dịch	<p><b>CDR2:</b> có khả năng đào tạo và hợp tác quốc tế, tổ chức nghiên cứu khoa học độc lập và phát triển công nghệ với trình độ cao.</p> <p><b>CDR4:</b> Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p>
- Trình bày đúng và sâu sắc về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT	<p><b>CDR5:</b> Ứng dụng được kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng trong một số lĩnh vực chuyên môn sâu.</p>

<b>Kỹ năng</b>	
<p>MT1: Tổng hợp và phân tích đúng về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT</p>	<p><b>CDR2:</b> Có khả năng đào tạo và hợp tác quốc tế, tổ chức nghiên cứu khoa học độc lập và phát triển công nghệ với trình độ cao.</p> <p><b>CDR4:</b> Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p> <p><b>CDR5:</b> Ứng dụng được kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng trong một số lĩnh vực chuyên môn sâu.</p> <p><b>CDR6:</b> Có kỹ năng làm việc nhóm, tác phong hành nghề chuyên nghiệp và kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác.</p>
<p>MT2: Vận dụng tốt kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền</p>	<p><b>CDR4:</b> Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p> <p><b>CDR7:</b> Giao tiếp chính thức có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.</p>
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<p>MT1: Thể hiện tốt thái độ, trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp và đạo đức trong hành nghề theo Y huấn cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe nhân dân</p>	<p><b>CDR4:</b> Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p> <p><b>CDR7:</b> Giao tiếp chính thức có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.</p>
<p>MT2: Tiếp thu đầy đủ cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng. Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần tốt trong nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ</p>	<p><b>CDR7:</b> Giao tiếp chính thức có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.</p>

--	--

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CDR CỦA HỌC PHẦN)**

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun									
	CDR2	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7					
Hà đồ, Lạc thư	2	2	2	2	2					
Tiên thiên bát quái trong Y dịch	2	2	2	2	3					
Hậu thiên bát quái trong Y dịch	2	2	2	2	3					
Lục thập tứ quái	2	2	2	2	2					
Thân thể , tiểu sử của Hải Thượng Lãn Ông	3	3	3	3	3					
Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Thủy hỏa trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Tạng phủ trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Cơ chế trong Y tông tâm lĩnh.	3	3	3	3	3					
Y huấn trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Dưỡng sinh, phòng bệnh	3	3	3	3	3					
Phép tắc chữa bệnh trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					

**6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)**

Học phần Khái quát lý luận Y học cổ truyền là nội dung cơ bản để các tiến sĩ YHCT làm nền tảng trong học tập, khám chữa bệnh và Nghiên cứu khoa học, Mục đích của học phần này nhằm trang bị kiến thức lõi sâu sắc nhất trong hệ thống các học thuyết, Y huấn cách ngôn và phép tyacs chữa bệnh theo YHCT

**7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng		Tự học
	LT	TH	LT/KT				

					<b>cộng</b>	<b>(Giờ)</b>		
Hà đồ, Lạc thư	08	0	06/02		08	10		
Tiên thiên bát quái trong Y dịch	08	0	06/02		08	10	1. Đầy đủ giáo trình Học tập tích cực 2.Vận dụng sáng tạo 3. Hiện thực hóa các kiến thức vào thực tế giảng dạy, lâm sàng và NCKH	
Hậu thiên bát quái trong Y dịch	08	0	06/02		08	10		
Lục thập tứ quái	08		06/02		08	10		
Thân thể , tiểu sử của Hải Thượng Lãn Ông	08		06/02		08	10		
Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	08	0	06/02		08	10		
Thủy hỏa trong Y tông tâm lĩnh	08	0	06/02		08	10		
Tạng phủ trong Y tông tâm lĩnh	08	0	06/02		08	10		
Cơ chế trong Y tông tâm lĩnh.	08	0	06/02		08	10		
Y huấn cách ngôn trong Y tông tâm lĩnh	04	0	02/02		04	10		
Dưỡng sinh, phòng bệnh	06		04/02		06	10		
Phép tắc chữa bệnh trong Y tông tâm lĩnh	08	0	06/02		08	10		
<b>Tổng</b>	<b>90</b>				<b>30</b>	<b>80</b>		

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,*

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu chính (TLC)

- **Y dịch**, Khoa Y học cổ truyền – Đại học Y Hà Nội, Nhà Xuất bản Y học.
- **Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh**, Nhà Xuất bản Y học.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

- **Kinh dịch ứng dụng trong y học cổ truyền**, *PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Học viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1,2	Hà đồ. Lạc thư						
Buổi 3,4	Tiên thiên bát quái trong Y dịch	04			01		10
Buổi 5,6	Hậu thiên bát quái trong Y dịch	04			01		10
Buổi 7,8	Lục thập tứ quái						
Buổi 9,10	Thân thể, tiêu sử của Hải Thượng Lãn Ông						
Buổi 11,12	Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 13,14	Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 15,16	Thủy hỏa trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 17,18	Tạng phủ trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 19	Y huân cách ngôn	02			01		10
Buổi 20,21	Dưỡng sinh, phòng bệnh						
Buổi 22,23	Phép tắc chữa bệnh trong Y tông tâm lĩnh	04			01		10
	<b>TỔNG</b>	<b>90</b>			<b>08</b>		<b>80</b>

## 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp / Chia sẻ x Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng   
 Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 5/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 5/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Ví dụ: Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CĐR1 đến 11

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

9.1 Điểm lý thuyết: Bài tiểu luận

9.2 Điểm kiểm tra: bài kiểm tra

9.3 Điểm tổng kết học phần:

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra x 0,3 + Điểm bài tiểu luận x 0,7

#### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**PT. BỘ MÔN**



***Trần Thị Hồng Ngải***

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC**

Đối tượng đào tạo: Đào tạo BSCKII, Mã số đào tạo:  
Năm thứ: 1

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- \* Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- \* Tiếng Anh: Medical Research Methodology
- Mã học phần/ mô đun: 121203
- Số tín chỉ: 02LT/01.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết LT/30 tiết TH

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 .tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: 180 tiết

**(Hướng dẫn điền số tiết:** Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.



a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo Bác sỹ chuyên khoa II năm 1

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khởi ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y tế công cộng

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	Tiến sỹ. Trần Quang Minh		
3	Tiến sỹ. Nguyễn Ngọc Quỳnh		
4	Thạc sỹ Nguyễn Văn Bình	0916359842	binhytcc2012@gmail.com

## 2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
	<b>Kiến thức</b>
MT HP1	- Lựa chọn được vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu phù hợp
MT HP2	- Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp
MT HP3	- Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.
MT HP4	- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.
MT HP4	- Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học
MT HP4	- Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3		
MT HP2	3		
MT HP3	3		

MT HP4	3		
MT HP5	3		

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

*Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)*

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	- Lựa chọn được 01 vấn đề ưu tiên và đề xuất nội dung nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu phù hợp 01 đề tài nghiên cứu
CLO2	- Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp
CLO3	- Xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số của 01 đề tài
CLO4	- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.
CLO5	- Thể hiện được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1			3				
CLO 2			3				
CLO 3			3				
CLO 4			3				
CLO 5			3				

## 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

### 6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa mic

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

### 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## **7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học**

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp nghiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

## **8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi  (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	4	- Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài	1.2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm  Động não  Học dựa trên vấn đề	
	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	8		1.2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm  Động não  Học dựa trên vấn đề	

Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4	xác định cỡ mẫu phù hợp	1.2	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiều trong nghiên cứu khoa học Y học và cách không chế	4	xác định sai số và không chế phù hợp	3	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
Công cụ thu thập thông tin	4	Hoàn thành bộ công cụ thu thập thông tin	4	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
Hướng dẫn viết đề	4	Hoàn thành 01 đề	4,5	Phương pháp	Hoạt động nhóm	

	cương nghiên cứu		cương nghiên cứu		giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Động não  Học dựa trên vấn đề	
	Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học	4	Xác định được yêu cầu của bài coogn bố khoa học	4,5	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm  Động não  Học dựa trên vấn đề	

*Ghi chú:*

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án .....); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số...).

**8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: (Không có phần lâm sàng hay thực hành)**

## **9. Phương pháp đánh giá học phần**

### **9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### **9.2. Rubric:**



9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không đạt điều kiện thi kết thúc học phần
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày			nhiều lỗi chính tả, trình bày	

		rõ ràng, sạch			không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phân tổng quan	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	30	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Dự kiến kết quả, bàn luận, kết luận, kế hoạch	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

nghiên cứu, phụ lục						
---------------------	--	--	--	--	--	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

<b>Thành phần đánh giá chính</b>	<b>Trọng số điểm (%)</b>	<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Bài đánh giá</b>	<b>Trọng số con (%)</b>	<b>Rubric</b>	<b>Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1</b>	<b>Mô tả cách thực hiện</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	bài tập	Thảo luận xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (lý thuyết)	66,7%	Điểm tiểu luận	Đề cương nghiên cứu một vấn đề sức khỏe	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành 01 đề cương nghiên cứu đầy đủ theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu khoa học Y học

Điểm thi kết thúc học phần/mô đun (Thực hành)	33,3%	Điểm slides báo cáo	Đề cương nghiên cứu một vấn đề sức khỏe	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành 01 báo cáo Slides đề cương nghiên cứu đầy đủ theo yêu cầu của đề cương nghiên cứu khoa học Y học
---	-------	---------------------	---	------	---	-----------	--

#### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

#### 9.5. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

*Điểm kết thúc học phần đạt* khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

### 10. Tài liệu học tập

#### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình nghiên cứu khoa học y học cơ bản (tài liệu lưu hành nội bộ), năm 2022

#### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Phạm Mạnh Hùng, Nguyễn Băng Tường và cộng sự (1998), “ Phương pháp nghiên cứu khoa học y học – Trường Đại học Y Hà Nội”, NXB Y học, Hà Nội.
2. Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng (2013), Trường đại học Y Hà Nội
3. Tổ chức Y tế Thế giới (2003), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe, nhà xuất bản Y học
4. Trương Việt Dũng (2017); phương pháp nghiên cứu y học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học

5. Lưu Ngọc Hoạt (2017); Phương pháp thống kê sinh y học, Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

*Hà Nội, ngày tháng năm*

**TRƯỞNG KHOA**

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



*TS. Lưu Minh Châu*

13. Tiến trình cập nhật đề cương

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p><b>Người cập nhật</b></p>
--	------------------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC**

Đối tượng đào tạo: Đào tạo học viên Chuyên khoa II, Mã số đào tạo:  
Năm thứ: 2

**1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học**

- Tên Học phần/ Môn học: Quản lý nhà nước về y tế
- \* Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về y tế
- \* Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: 03LT/01.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết LT/30 tiết TH
  - + Lý thuyết: 45 tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
  - + Bài tập: tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
  - + Kiểm tra:.....tiết
  - + Thời gian tự học: 180 tiết

**(Hướng dẫn điền số tiết:** Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo học viên Chuyên khoa II

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

## 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Tiến sỹ. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	PGS. Tiến sỹ. Nguyễn Quốc Huy		
3	PGS. Tiến sỹ. Phạm Quốc Bình		
4	PGS. Tiến sỹ. Phạm Vũ Khánh		
5	Thạc sỹ Trương Thị Minh Trang	0916359842	
	Mời giảng		

## 3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Hiểu đại cương về kinh tế y tế
MT HP2	Trình bày và phân tích được về hệ thống chính trị nhà nước; Nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam
MT HP3	Phân tích được các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các Luật liên quan đến quá trình hành nghề
MT HP4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
MT HP5	Quản lý nhân lực, tài chính trong đơn vị; kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3	3	3
MT HP2	3	3	3
MT HP3	3	3	3
MT HP4	3	3	3
MT HP5	3	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

*Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)*

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun



Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Xác định được vai trò kinh tế y tế
CLO2	Phân tích và Vận dụng nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam
CLO3	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
CLO4	Quản lý nhân lực, tài chính trong đơn vị; kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S
CLO5	Vận dụng các Bộ luật liên quan hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân

### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3 , 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	3					3	
CLO 2	3					3	
CLO 3	3					3	
CLO 4	3					3	

CLO 5	3					3	
-------	---	--	--	--	--	---	--

## 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

### 6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa míc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

### 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức; Kỹ năng quản lý bệnh viện và vận dụng các Luật trong quá trình hành nghề, các văn bản quản lý Nhà nước về Y tế; các xây dựng kế hoạch hoạt động y tế, sắp xếp đơn vị theo tiêu chuẩn 5S.

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	Đại cương về quản lý nhà nước; Các văn bản quy phạm pháp Luật trong quản lý nhà nước	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Giới thiệu Luật Viên chức, Luật Lao động;	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Giới thiệu Luật Công chức	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Giới thiệu Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu,	Hoạt động nhóm Động não	

					thuyết trình ngắn	Học dựa trên vấn đề	
	Giới thiệu về Luật Khám chữa bệnh	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Giới thiệu về Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Giới thiệu về luật phòng chống bệnh suy giảm miễn dịch mắc phải(HIV/AIDS)	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế	6		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề
Quản lý nhân lực	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề
Quản lý tài chính	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề
Phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu,	Hoạt động nhóm Động não

					thuyết trình ngắn	Học dựa trên vấn đề	
	Đại cương về kinh tế y tế	4		1,6			
	Quản lý chất thải bệnh viện	8		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
	Tiêu chuẩn 5S	2		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

**8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

## **9. Phương pháp đánh giá học phần**

### **9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là
Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lập	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra			Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	không đạt điều kiện thi kết thúc học phần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiêu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày			nhiều lỗi chính tả, trình bày	



		rõ ràng, sạch			không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu Tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phần giới thiệu mở đầu	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Các nội dung cân đối, phù hợp mục tiêu	30%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Thông tin phân tích có nguồn gốc	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	bài tập	Thảo luận xác định nội dung báo cáo	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Báo cáo theo chuyên đề	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành báo cáo theo chuyên đề

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

### 9.5. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

*Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên*

## **10. Tài liệu học tập**

### **10.1. Tài liệu chính (TLC)**

Giáo trình Quản lý nhà nước về y tế (tài liệu lưu hành nội bộ).

### **10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)**

1. Bộ Y tế (2014). Tài liệu đào tạo liên tục quản lý chất lượng bệnh viện. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016), *Các thực hành tốt quản lý chất lượng và an toàn người bệnh tại một số bệnh viện Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội 2016
3. Bộ Y tế (2014), *Quản lý nhà nước về Y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Quản lý 5S trong y tế.
5. Bộ Y tế (2016), *Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam*

## **11. Hướng dẫn thực hiện**

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

## **12. Cấp phê duyệt**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, Minh Châu*

**13. Tiến trình cập nhật đề cương**

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p><b>Người cập nhật</b></p>
<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p><b>Người cập nhật</b></p>

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN: CHÂM CỨU**  
**MÔN: CHÂM CỨU**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: Châm cứu

\* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun: Bác sĩ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

- Số tín chỉ: 3 tín chỉ (LT 2; LS 1)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 15 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết

+ Thời gian tự học: ..... tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: .....

+ Học phần học trước: .....

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Châm cứu

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	PGS.TS.Trần Văn Thanh	0973833633	Châm cứu	drtvthanh@gmail.com
2	PGS.TS Nguyễn Đức Minh	0985316969	Châm cứu	

3	TS.Bs Trần Đức Hữu	0983951056	Châm cứu	Ts.bs.huu@gmail.com
4	TS.Bs Nguyễn Văn Hải	0968504115	Châm cứu	Dr.hai06@gmail.com
5	PGS.TS Phạm Hồng Vân	0904306556	Châm cứu	
6	TS.Trần Phương Đông	0904292273	Châm cứu	

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí</li> <li>- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi</li> <li>- Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp</li> <li>- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện</li> </ul>
MT2	<p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp</li> <li>- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu</li> </ul>
MT3	<p><b>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</b></p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí</li> <li>- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi</li> <li>- Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp</li> </ul>	3	3	3

- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện			
<b>Kỹ năng:</b> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	3	3	3
<b>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</b> Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

**Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun**

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
CLO2	- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi - Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp
CLO3	Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
CLO4	- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh - Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện
CLO5	- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

**Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)**

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	3	2	3	3	3	3	3
Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 3: Tỷ lệ lưu trú	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp ắt kinh	3	2	3	3	3	3	3
Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3	3	3	3	3	3	3
Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mãng châm	3	3	3	3	3	3	3

**6. Yêu cầu của học phần/ mô đun**

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/ND-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

**Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Bảng, phấn
4	Thảm yoga
5	Giường y tế

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.



- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## **7. Mô tả chung học phần/ mô đun**

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

## **8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí trong điều trị một số bệnh.</li> </ul>	CLO1 CLO3 CLO5	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thuyết trình</li> <li>2. Động não</li> <li>3. Giải quyết vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</li> <li>2. suy nghĩ - trả lời</li> <li>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</li> </ul>	
Buổi 2 (4 tiết)	Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	4	Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi	CLO1 CLO4 CLO5	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thuyết trình</li> <li>2. Động não</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</li> <li>2. suy nghĩ - trả lời</li> </ul>	

								3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép	
Buổi 3 (4 tiết)	Chuyên đề 3: Tỷ lệ lưu trú	4		- Trình bày được định nghĩa tỷ lệ lưu trú và một số quy tắc của Tỷ lệ lưu trú pháp	CLO1 CLO4 CLO5	3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép		
Buổi 4 (4 tiết)	Chuyên đề 4: Phương pháp bỏ tá	4		Mô tả được các phép bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp	CLO1 CLO4 CLO5	3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép		
Buổi 5	Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp át	4		Quan điểm về					

(4 tiết)	kinh			Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Giáp ất kinh				
Buổi 6 (4 tiết)	Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	4		Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Châm cứu Đại thành		CLO1 CLO4 CLO5		
Buổi 7 (3 tiết)	Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3		Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện.		CLO1 CLO4 CLO5		
Buổi 8 (3 tiết)	Chuyên đề 8: Măng châm và điện măng châm	3		- Trình bày được kỹ thuật măng châm, điện măng		CLO1 CLO4 CLO5		

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar/ Bình bệnh án trên Lâm sàng

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHĂM CỨU	04	Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình và trên người bệnh	
Buổi 2 (4 tiết)	Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong	04	Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp	CLO1 CLO2 CLO3		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên	

	CHĂM CỨU			CLO5		hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	hướng dẫn trên hình Thực các thuật mô hình và trên người bệnh	
Buổi 3 (4 tiết)	Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHĂM CỨU	04	Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn mô hình Thực các thuật trên mô hình và trên người bệnh	
Buổi 4 (4 tiết)	Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHĂM CỨU	04	Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình	

				quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí					Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 5 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đôn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn trên hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình				
Buổi 6 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đôn và bổ tả phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên hướng dẫn trên hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình				
Buổi 7 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đôn và bổ tả	CLO1 CLO2 CLO3	Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp	Trả lời các câu hỏi Quan sát				

Buổi 8 (4 tiết)	CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh toạ	04	phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO5		Hưỡng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	giảng viên dẫn mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 9 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hưỡng dẫn thực hành mẫu trên mô hình và trên người bệnh Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên dẫn mô hình Thực tập thủ thuật trên mô hình và trên người bệnh
Buổi 9 (4 tiết)	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng bằng CHÂM CỨU	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bỏ tá đơn và bỏ tá phối hợp - Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp Hưỡng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và	Trả lời các câu hỏi Quan sát giảng viên dẫn mô hình Thực tập các



			bệnh bằng Châm cứu bệnh thường gặp			hướng dẫn tư thế chuẩn	thủ thuật trên mô hình	
Buổi 10 (4 tiết)	Thi hết thực hành/làm sàng: Hỏi thi làm sàng và chấm điểm bệnh án	04		CLO1 CLO2 CLO3 CLO5				

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

#### Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bệnh án lâm sàng

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Bệnh án	50%		Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận
Lập luận	30%	CLO 1 CLO2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
Hình thức trình bày;	20%						100%

				Không chính tả	lỗi	tả kết quả chưa rõ ràng	qua bài toán		
--	--	--	--	-------------------	-----	----------------------------	--------------	--	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm lâm sàng	30%	Hỏi thio lâm sàng	01 bệnh án	100%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	70%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy CHÂM CỨU, dành cho đối tượng Sau Đại học.

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. **Bách khoa thư bệnh học**, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. **Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan** (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngu và Lương Tú Vân** dịch, *Châm cứu Giáp ất kinh*, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. **Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý**; cộng sự **Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang**, *Châm cứu học sau đại học*, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. **Nguyễn Tử Siêu**, *Hoàng đế nội kinh tổ vấn*, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. **Phan Quan Chí Hiếu**, *Châm cứu học - Tập 1*, Nhà xuất bản Y học 2007.

#### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

#### 12. Cấp phê duyệt

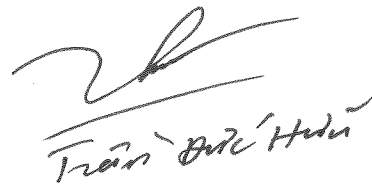
**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



Trần Đức Hiền

#### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:  
TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC
- \* Tiếng Anh: Medicinal Plant Resources
- Mã học phần/ mô đun: 221306
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết
  - + Thời gian tự học: 88 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa II YHCT
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuận	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com
3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984.398989	huyhup2010@gmail.com

4	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		
---	--	--	--

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
MT2	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
MT3	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		2	1
MT2		2	1
MT3	2	2	
MT4	2		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo

	tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
CLO2	Phân tích các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

**5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)**

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

**Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)**

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				2			
CLO2				2			
CLO3		2				2	1
CLO4		2				2	1

**6. Yêu cầu của học phần/ mô đun**

**6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:**

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

**Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Cơ sở thực hành điều tra về TNCT (vườn quốc gia/ khu bảo tồn...)
6	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ mẫu cây thuốc/ vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy

7	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ kiểm tra, đánh giá các cây thuốc, vị thuốc trong chương trình giảng dạy.
---	--

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt quy trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tài nguyên cây thuốc dành cho đối tượng Chuyên khoa II YHCT là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Chuyên khoa II YHCT, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, giá trị của tài nguyên cây thuốc, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, một số chính sách về tài nguyên cây thuốc; trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị.

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:



Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm về TNCT - Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về khái niệm về TNCT; Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Tài nguyên cây thuốc trên thế giới	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT trên thế giới	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
5	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc (tiếp)	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6	Các chính sách về tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Trình bày và phân tích về một số chính sách của Đảng và Nhà nước về TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
7	Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dại theo tiêu chuẩn GACP	4/0/4	Vận dụng các kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
8	Trồng cây thuốc và thu hái được liệu hoang dại theo tiêu chuẩn GACP (tiếp)	2/0/2	trọt, thu hái được liệu theo tiêu chuẩn GACP. Vận dụng các kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
9	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
10	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2			

### 8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành tài nguyên cây thuốc	27//0/30	- Vận dụng kiến thức đã học vào việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc - Vận dụng kiến thức đã học vào việc thu hái, làm khô, bảo quản	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
8	Báo cáo thực hành	3 tiết	và đánh giá chất lượng và sử dụng được liệu trong điều trị bệnh.	CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 9.2. Rubric:

**Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành**

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%	CLO 2 CLO 3	Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Hình thức trình bày;	20%		<p>8.5-10 điểm</p> <p>Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả</p>	<p>7.0-8.4 điểm</p> <p>Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng</p>	<p>5.5- 6.9 điểm</p> <p>Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả</p>	<p>4.0-5.4 điểm</p> <p>Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả</p>	<p>0-3.9 điểm</p> <p>Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;</p>

**Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)**

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	<p>8.5-10 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<p>7.0-8.4 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<p>5.5- 6.9 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<p>4.0-5.4 điểm</p> <p>Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<p>0-3.9 điểm</p> <p>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<p>8.5-10 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>	<p>7.0-8.4 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>	<p>5.5- 6.9 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>	<p>4.0-5.4 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>	<p>0-3.9 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết</li> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít</li> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> <li>- Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Ít tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> </ul>

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2. Trường nhóm				<ul style="list-style-type: none"> <li>Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch rõ ràng</li> <li>Phân công cụ thể</li> <li>Giám sát thành viên</li> <li>Kiểm soát kết quả</li> <li>Đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch rõ ràng</li> <li>Phân công cụ thể</li> <li>Giám sát thành viên</li> <li>Kiểm soát kết quả</li> <li>Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ít chia sẻ công việc thành viên</li> <li>Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch rõ ràng</li> <li>Phân công cụ thể</li> <li>Giám sát thành viên</li> <li>Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>Không phân công cụ thể</li> <li>Không giám sát thành viên</li> <li>Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>Không phân công cụ thể</li> <li>Không giám sát thành viên</li> <li>Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>

**Rubric 3. Đánh giá tiểu luận**

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngắn gọn, rõ ràng</li> <li>Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiểu luận</li> </ul>	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiểu luận và dài phù hợp tên	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CĐR học phần	Mức độ chất lượng				Điểm
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm	
Tổng tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng:</li> <li>+ Về cơ sở lý luận</li> <li>+ Về thực tiễn trong nước</li> <li>+ Về thực tiễn ngoài nước</li> </ul>	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung hoặc	- Thiếu hai nội dung hoặc	- Thiếu hai nội dung hoặc	- Thiếu hai nội dung hoặc
				Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung hoặc	- Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, nghiên cứu tiên tiến hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp và nghiên cứu tiên tiến</li> <li>- Phù hợp với mục tiêu</li> <li>- Tương đối chính xác</li> </ul>	20%		Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc	- Thiếu 2 nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả</li> <li>- Đáp ứng được mục tiêu</li> <li>- Trung thực, đáng tin cậy</li> <li>- Minh chứng rõ ràng, chính xác</li> <li>- Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng</li> </ul>	20%			- cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%			

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CĐR học phần	Mức độ chất lượng				Điểm
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm	
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thâu tóm được nội dung</li> <li>- Đề xuất đúng vấn đề</li> </ul>	10%		<p><b>8,5 – 10 điểm</b></p> <p>Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ chính xác và có đề xuất xác đáng</p>	<p><b>7,0 – 8,4 điểm</b></p> <p>- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc</p> <p>- cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%</p>	<p><b>5,0 – 6,9 điểm</b></p> <p>Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%</p>	<p><b>0 – 4,9 điểm</b></p> <p>- Thiếu 1 nội dung Hoặc</p> <p>- Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu</p>	
Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích dẫn đủ, đúng quy định</li> <li>- Viết tài liệu tham khảo đúng quy định</li> <li>- Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài</li> </ul>	10%		<p>Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu &gt; 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài</p>	<p>Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20</p>	<p>Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài</p>	<p>- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (&lt;5)</p>	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Format đúng quy định</li> <li>- Bảng biểu rõ ràng, chính xác</li> <li>- Lỗi chính tả:</li> </ul>	10%		<p>Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu</p>	<p>Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10</p>	<p>- Format một vài chỗ chưa đúng quy định,</p> <p>- Bảng biểu rời mắt khó hiểu,</p> <p>- Lỗi chính tả 11-20</p>	<p>- Format &gt; 5 chỗ chưa đúng quy định,</p> <p>- Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai</p> <p>- Lỗi chính tả &gt; 20</p>	



### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), Tài nguyên cây thuốc, Tài liệu lưu hành nội bộ

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

### 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

### 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



Phan Thi Thu Hien

### 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**LÝ THUYẾT KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa II - Y học cổ truyền  
Mã số đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- \* Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ ( 30 tiết)
- Đối tượng học: Bác sĩ Chuyên khoa II - Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: .....
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: .....tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành: .....tiết
  - + Bài tập: .... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: .... tiết
  - + Kiểm tra: ... tiết
  - + Thời gian tự học: .... giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Sinh lý bệnh-miễn dịch

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	<a href="mailto:phdtranthaiha@gmail.com">phdtranthaiha@gmail.com</a>
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	<a href="mailto:xuancanhvh@gmail.com">xuancanhvh@gmail.com</a>
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	<a href="mailto:tunghuongvung@gmail.com">tunghuongvung@gmail.com</a>
4	TS Lê Thị Kim Dung	0979818222	<a href="mailto:quangtuyen@gmail.com">quangtuyen@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.	CDR1	
2	<b>Kỹ năng :</b> <b>Kỹ năng:</b> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.	CDR2	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện động tác chống xơ vữa.</li> <li>- Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh.</li> </ul>		
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện	CĐR3	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	CĐR1: Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
MT2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR2: Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
MT3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	CĐR3: Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.
MT4: Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .

Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.	CĐR5: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun (BỘ MÔN LIỆT KÊ ĐỦ CĐR CỦA HỌC PHẦN)**

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	3	3	3	3	3
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	3	3	3	3	3
4. vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	3	3	3	3	3

**6. Mô tả học phần/ mô đun**

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh

và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

#### 7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT		Tổng cộng		
1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép
4. Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	4						1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép

<b>Tổng</b>							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

8.1 Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hương (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiệp (1977), *Thẻ dực phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thẻ dực thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

## 9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	1. Định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.	4					
Buổi 2	2. Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.	4					
Buổi 3	3. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	4					
Buổi 4	4. Vận dụng Khí công, dưỡng	4					



sinh trong điều tri một số bệnh . Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga							
<b>TỔNG</b>							

### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não  Từng cặp /Chia sẻ  Học dựa trên vấn đề  Hoạt động nhóm

Đóng vai  Học dựa vào dự án  Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống  Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR... đến CDR...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR... đến CDR..

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

### 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

#### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

#### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận	100%		CĐR1 đến 15

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

**BAN GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**PT. BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phan Đình*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**THỰC HÀNH/LÂM SÀNG MÔN KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT**

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú YHCT  
Mã số đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- \* Tiếng Anh: Department of payhophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ (60 tiết)
- Đối tượng học : Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: ....
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: .... tiết
  - + Thực hành: 30 tiết
  - + Lâm sàng: 30 tiết
  - + Bài tập: ... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: ... tiết
  - + Kiểm tra:.... tiết
  - + Thời gian tự học: ... giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	<a href="mailto:phdtranthaiha@gmail.com">phdtranthaiha@gmail.com</a>
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	<a href="mailto:xuancanhvh@gmail.com">xuancanhvh@gmail.com</a>
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	<a href="mailto:tunghuongvung@gmail.com">tunghuongvung@gmail.com</a>
4	TS Lê Thị Kim Dung	0979818222	<a href="mailto:quangtuyen@gmail.com">quangtuyen@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.....	CDR5	
2	<b>Kỹ năng :</b> - Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CDR5	
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b>	CDR5	

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành</li> <li>- Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng</li> </ul>		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR(1): Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR2: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CĐR5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

<b>Kỹ năng</b>	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR6: Thực hành thành thạo Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR7: Thực hành thành thạo Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR8: Thực hành thành thạo Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR9: Hiểu được cơ bản một số động tác, hình thái KC, Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng	CĐR10: Thực hành thành thạo : Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT1: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành	CĐR11: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành
MT2: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng	CĐR12: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun
----------	-------------------------------

học phân/ mô đun	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR12
Luyện tư thể trong KC	3						
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công		3					
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thể, luyện thở			3				
Luyện tư thể động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở				3			
Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.					3		
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh						3	



## 6. Mô tả học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
1: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn
2: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện thở
3: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện ý
4: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.

5: Thực hành lâm sàng KCDS		4				Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện động tác chống xơ xướng.
6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4				Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4				Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4				Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng

9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ cứng
Thi Thực hành/lâm sàng		4	...		...		Hỏi thi trên lâm sàng
<b>Tổng</b>							

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

## 8. Tài liệu học tập

8.1 Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hương (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiệp (1977), *Thể dục phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), *Hồng nghĩa giác tư y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

## 9. Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1						4	

	1: Thực hành lâm sàng KCDS						
Buổi 2	2: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 3	3: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 4	4: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 5	5: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 6	6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 7	7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 8	8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 9	9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 10	Thi TH/LS					4	
	<b>TỔNG</b>						

#### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x      Từng cặp /Chia sẻ x      Học dựa trên vấn đề x      Hoạt động nhóm x      Đóng vai □      Học dựa vào dự án □      Mô phỏng x

Nghiên cứu tình huống x      Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập x

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR... đến CĐR...

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt CĐR 1, 2, 3, ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR... đến CĐR...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

## 11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

### 11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

....

### 11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

Ví dụ

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

- Hình thức thi: hỏi thi trên lâm sàng
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Ví dụ

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Thực hành/lâm sàng	100%		CDR 1 đến 12
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	(hình thức thi...)	100%		CDR 1 đến 12

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN

  
Phạm Thanh Hà

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN**  
**THỰC HÀNH/LÂM SÀNG MÔN KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT**

Đối tượng đào tạo: Chuyên khoa II YHCT  
Mã số đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: *Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt*
- \* Tiếng Anh: Department of payhophysiology and immunology
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 2 tín chỉ (60 tiết)
- Đối tượng học : Bác sĩ Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: ....
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết
  - + Thực hành: 30 tiết
  - + Lâm sàng: 30 tiết
  - + Bài tập: ... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: ... tiết
  - + Kiểm tra:.... tiết
  - + Thời gian tự học: ... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công Dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email

1.	TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	<a href="mailto:phdtranthaiha@gmail.com">phdtranthaiha@gmail.com</a>
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	<a href="mailto:xuancanhvh@gmail.com">xuancanhvh@gmail.com</a>
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	<a href="mailto:tunghuongvung@gmail.com">tunghuongvung@gmail.com</a>
4	TS Lê Thị Kim Dung	0979818222	<a href="mailto:quangtuyen@gmail.com">quangtuyen@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<p><b>Kiến thức:</b></p> <p>Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh.</li> <li>- Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .</li> <li>- Giới thiệu một số hình thái KC:</li> </ul> <p>Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.....</p>	CDR5	
2	<p><b>Kỹ năng :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành thành thạo các kỹ năng về:</li> <li>- Luyện thư giãn.</li> <li>- Luyện thở.</li> <li>- Luyện ý.</li> <li>- Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.</li> <li>- Luyện động tác chống xơ xướng.</li> <li>- Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh</li> </ul>	CDR5	



2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> - Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành - Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng	CDR5	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CDR(1): Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CDR2: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CDR3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CDR4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị	CDR5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

một số bệnh	
<b>Kỹ năng</b>	
MT1: Luyện tư thế trong KC	CĐR6: Thực hành thành thạo Luyện tư thế trong KC
MT2.: Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	CĐR7: Thực hành thành thạo Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở
MT3: Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	CĐR8: Thực hành thành thạo Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở
MT4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	CĐR9: Hiểu được cơ bản một số động tác, hình thái KC, Dịch cân kinh, Khí công và Yoga
MT5: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng	CĐR10: Thực hành thành thạo : Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh trên Lâm sàng
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT1: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành	CĐR11: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bộ môn, phòng thực hành
MT2: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng	CĐR12: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, bệnh viện, khoa phòng

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

*Mức 1: Thấp;*

*Mức 2: Trung bình ;*

*Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR12
Luyện tư thế trong KC	3						
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công		3					
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở			3				
Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở				3			
Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.					3		
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số						3	

bệnh							
------	--	--	--	--	--	--	--

## 6. Mô tả học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

## 7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với học viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng		Tự học (Giờ)
	LT	TH	BT/TL/KT				
1: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn
2: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện thở
3: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: luyện ý
4: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế

							tĩnh.
5: Thực hành lâm sàng KCDS		4					Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện động tác chống xơ xướng.
6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xướng
8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng		4					Thực hành và ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác



Buổi 1	1: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 2	2: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 3 ...	3: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 4	4: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 5	5: Thực hành lâm sàng KCDS					4	
Buổi 6	6: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 7	7: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 8	8: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 9	9: Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án KCDS trong điều trị bệnh đau lưng					4	
Buổi 10	Thi TH/LS					4	
	<b>TỔNG</b>						

#### 10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x      Từng cặp /Chia sẻ x      Học dựa trên vấn đề x      Hoạt động nhóm x      Đóng vai □      Học dựa vào dự án □      Mô phỏng x  
Nghiên cứu tình huống x      Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập x

Ví dụ

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR... đến CĐR...

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR ... đến CĐR ...

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt CĐR 1, 2, 3, ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR... đến CĐR...

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

## **11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun**

### *11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:*

....

### *11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên*

*Ví dụ*

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Các bài thực hành tại phòng thí nghiệm phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.



Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

## 12. Phương pháp đánh giá học phần

### 12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

- Hình thức thi: hỏi thi trên lâm sàng
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Ví dụ

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	<b>Điểm đánh giá quá trình</b>			
	Thực hành/lâm sàng	100%		CDR 1 đến 12
2	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	(hình thức thi...)	100%		CDR 1 đến 12

### 12.3. Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần* là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thi thực hành* và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

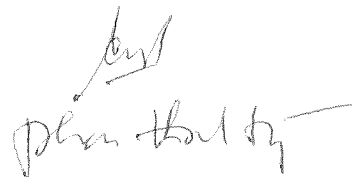
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT. BỘ MÔN



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

### 1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: Huyết chứng luận
- \* Tiếng Anh: The traditional medicine theory of blood disease.
- Mã học phần/ mô đun:
- Số tín chỉ: 02LT/01TH
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
- + Lý thuyết: 30 tiết
- + Thực hành: 30 tiết
- + Kiểm tra, đánh giá: tiết
- + Thời gian tự học: 90 giờ
- Đối tượng học:
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
- + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
- + Học phần học trước (đã học):
- + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

### 2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. BS. Trần Thị Hồng Ngải	0915009672	ngaidytw72@gmail.com
2	TS. BS. Nguyễn Trường Nam	0985180858	bstruongnam89@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Vận dụng các học thuyết của Y học cổ truyền để giải thích các mối quan hệ khí huyết, tạng phủ trong cơ thể.
MT2	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phân thể lâm sàng của một số chứng hậu thường gặp thuộc huyết chứng.
MT3	Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị cho một số chứng hậu hay gặp của huyết chứng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT 1	2	2	2
MT 2	2	2	2
MT 3	2	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

**4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)**

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP
CLO1	Vận dụng các học thuyết Âm dương, ngũ hành, tạng tượng để giải thích các mối quan hệ khí huyết, tạng phủ trong cơ thể.
CLO2	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phân thể lâm sàng của một số chứng hậu thường gặp thuộc huyết chứng.
CLO3	Chẩn đoán đúng và đưa ra phác đồ điều trị cho một số chứng hậu hay gặp của huyết chứng.
CLO4	Có thái độ đúng đắn, tôn trọng quyền của người bệnh khi tiếp xúc, thăm khám và điều trị bệnh nhân huyết chứng.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
CLO1						3	3	3																		
CLO2						3	3	3																		
CLO3						3	3	3																		
CLO4												3	3			3	3	3								

**6. Yêu cầu của học phần/ mô đun**

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Máy chiếu, loa, mic, phấn bảng

6.1.2. Lâm sàng:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	Máy tính

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để phục vụ quá trình học tập, đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

### **7. Mô tả chung học phần/ mô đun**

Huyết chứng luận là học phần cung cấp cho người học kiến thức về mối quan hệ của học thuyết âm dương, ngũ hành, tạng tượng... với sự hình thành và vận hành của huyết dịch trong cơ thể. Qua đó, người học được cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị trên lý thuyết và lâm sàng đối với các bệnh thuộc huyết chứng. Kết thúc học phần, người học được lượng giá cả lý thuyết và lâm sàng để đánh giá kết quả.

### **8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CDR:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2) Luận về Âm đương Thủy hoá khí huyết	(3) 2/0/4	(4) Phân tích được mối quan hệ của Âm dương, thủy hoá và khí huyết trong cơ thể.	(5) CLO1 CLO2	(6) 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	(7) 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	(8) Không
Buổi 1 (4 tiết)	Nam nữ dị đồng bệnh	2/0/4	Phân tích được sự giống và khác nhau về khí huyết giữa cơ thể của nam và nữ.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
	Bàn về cơ chế bệnh tạng phủ	2/0/4	Phân tích được cơ chế tạng phủ của cơ thể khi khoẻ mạnh và những rối loạn thường gặp khi có bệnh.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không

Buổi 2 (4 tiết)	Bàn về mạch chứng sống chết	2/0/4	Giải thích được sự khác nhau cũng như sự chuyển biến giữa mạch của người khoẻ mạnh, người bệnh và người chết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
Buổi 3 (4 tiết)	Dụng được theo nghị luận	2/0/4	Phân tích được một số quy tắc sử dụng được cơ bản trong điều trị các chứng hậu thuộc huyết chứng.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Kiểm tra thường xuyên 50 phút Nội dung: bài dạy trọng các buổi 1-2 Hình thức: tự luận/bài tập lớn
	Bệnh học huyết chứng luận (chỉ huyết, tiêu ứ, bỏ huyết)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của chỉ huyết, tiêu ứ, bỏ huyết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	

Buổi 4 (4 tiết)	Bệnh học chứng huyết luận (Âu huyết, huyết, huyết) (khác khái huyết)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của Âu huyết, khắc huyết, khái huyết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
Buổi 5 (4 tiết)	Bệnh học chứng huyết luận (tỵ mục, nhĩ mục) (tỵ mục, nhĩ mục)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của Tỵ mục, Nhĩ mục, nhĩ mục.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
	Bệnh học chứng huyết luận (Xi mục, thiệt mục, đá huyết) (Xi mục, thiệt mục, đá huyết) Kiểm tra giữa học phần	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, pháp và phương điều trị của Xi mục, thiệt mục, trật đá huyết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Xây dựng bài kiểm tra giữa học phần.	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề 4. Hoàn thành bài kiểm tra giữa học phần.	Không

Buổi 6 (4 tiết)	Bệnh học huyết chứng luận (Đại nục, linh tinh, sang huyết)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của Đại nục, linh tinh, sang huyết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
	Bệnh học chứng (thỏ huyết huyết tiến)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của thỏ nung, huyết chí, huyết tiến.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
Buổi 7 (4 tiết)	Bệnh học chứng huyết luận (huyết tào, san huyết, sang huyết)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của huyết tào, san huyết, sang huyết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
	Bệnh học chứng (tiện tiện niệu huyết)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương điều trị của tiện huyết, tiện nung, niệu huyết.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không
Buổi 8 (2 tiết)	Bệnh học chứng luận (kinh băng huyết,)	2/0/4	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chứng trạng, chứng hậu, pháp và phương	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	Không



	đổi, sản huyết, ứ huyết)	điều trị của kinh huyết, băng đới, sản huyết, ứ huyết.			Lắng nghe ghi chép giải quyết vấn đề	
--	--------------------------	--	--	--	--------------------------------------	--

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.2	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng huyết hư, huyết ứ.	4/0/8	Khám, tiếp xúc được, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng huyết hư, huyết ứ.	CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Vấn đáp 5. Quan sát	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Không
Buổi 2 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh	4/0/8	Khám, tiếp xúc được, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh	CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung	1. Nghe 2. Trả lời	Không

	nhân mắc chứng khạc huyết, khái huyết.		phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng khạc huyết, khái huyết.			thông tin lý thuyết đã học	3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Không
Buổi 3 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng thực khái, hư khái, đàm khái.	4/0/8	Khám, tiếp xúc được, chẩn đoán và xây dựng được phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng thực khái, hư khái, đàm khái.	CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Vấn đáp 5. Quan sát	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Không
Buổi 4 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng tỳ nục, mục nục, nhĩ nục.	4/0/8	Khám, tiếp xúc được, chẩn đoán và xây dựng được phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng tỳ nục, mục nục, nhĩ nục.	CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Vấn đáp 5. Quan sát	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Không
Buổi 5 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ	4/0/8	Khám, tiếp xúc được, chẩn đoán và xây	CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung	1. Nghe 2. Trả lời	Không

Buổi 6 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng xơ nục, thiệt nục, trật đĩa huyết.	4/0/8	được phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng xơ nục, thiệt nục, trật đĩa huyết.	CLO3 CLO4	1,2	thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Vấn đáp 5. Quan sát	3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Không
Buổi 7 (4 tiết)	Khám, chẩn đoán và xây dựng phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng tiện huyết, tiện nung, niệu huyết.	4/0/8	Khám, tiếp xúc được, chẩn đoán và xây dựng được phác đồ điều trị cho bệnh nhân mắc chứng tiện huyết, tiện nung, niệu huyết.	CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Vấn đáp 5. Quan sát	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Không
Buổi 8 (2 tiết)	Thi kết thúc lâm sàng	2/0/4		CLO3 CLO4	1,2	1. Thuyết trình ngắn kèm đặt câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Vấn đáp 5. Quan sát	1. Nghe 2. Trả lời 3. Ghi chép, trao đổi 4. Thực hành xét nghiệm 5. Viết báo cáo 6. Vấn đáp	Thi KTHP



## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 9.2. Rubric:

#### Rubric R1: Điểm danh

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Thời gian tham dự buổi học	Tham gia từ 80% - <82% buổi học	Tham gia 82% - <85% buổi học	Tham gia 85% - <90% buổi học	Tham gia từ 90% - <95% buổi học	Tham gia > 95% buổi học	100%

#### Rubric R2: Phát biểu và thảo luận

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	
Hăng hái tham gia thảo luận nhóm và phát biểu xây dựng bài	Tham gia phát biểu, thảo luận nhóm < 40% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 40-54% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 55-69% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 70-84% các buổi học	Tham gia phát biểu và thảo luận nhóm từ 85% các buổi học	50%
Độ đúng của các phát biểu và bài tập nhóm	< 40% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	40-54% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	55-69% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	70-84% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	Từ 85% các lần phát biểu và bài tập nhóm cho kết quả đúng	50%

#### Rubric R3: Thực hành lâm sàng

Mức độ đạt chuẩn quy định						Trọng số
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.5-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)	

Kỹ năng giao tiếp, tác phong, trang phục	Giao tiếp không đạt hiệu quả, không chuyên nghiệp	Giao tiếp đạt hiệu quả, nhưng tính chuyên nghiệp chưa cao ở tất cả kỹ năng	Giao tiếp đạt hiệu quả tốt, nhưng tính chuyên nghiệp chưa cao ở tất cả kỹ năng	Giao tiếp đạt hiệu quả tốt, nhưng tính chuyên nghiệp chưa cao ở một số kỹ năng	Giao tiếp đạt hiệu quả tốt, đạt tính chuyên nghiệp cao ở tất cả các kỹ năng	5%
Khám bệnh phát hiện triệu chứng	Khám chưa đúng, không đầy đủ quy trình/hoặc không phát hiện được triệu chứng chính.	Khám đúng, chưa đầy đủ theo quy trình, phát hiện được một số triệu chứng chính	Khám đúng, đầy đủ theo quy trình, phát hiện được một số triệu chứng chính	Khám đúng, đầy đủ theo quy trình, phát hiện được phần lớn các triệu chứng chính	Khám đúng, đầy đủ theo quy trình, phát hiện đầy đủ triệu chứng	15%
Xử trí / ra quyết định lâm sàng	Chẩn đoán chưa đúng, không phù hợp	Xử trí đúng, chưa đầy đủ chưa phù hợp với bệnh cảnh bệnh nhân	Xử trí đúng, chưa đầy đủ có phần phù hợp với bệnh cảnh bệnh nhân	Xử trí đúng, phù hợp với bệnh cảnh bệnh nhân nhưng chưa đầy đủ	Xử trí đúng, đầy đủ phù hợp với bệnh cảnh bệnh nhân	20%
Kỹ năng chẩn đoán / xác định vấn đề ưu tiên	Chẩn đoán chưa đúng/ chưa xác định được vấn đề SK của bệnh nhân.	Chẩn đoán đúng, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với bệnh cảnh / hoặc xác định đúng, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với vấn đề sức khỏe của bệnh nhân.	Chẩn đoán đúng, có phần chưa phù hợp với bệnh cảnh, chưa đầy đủ / hoặc xác định đúng, chưa đầy đủ, có phần chưa phù hợp với vấn đề sức khỏe của bệnh nhân.	Chẩn đoán đúng, phù hợp với bệnh cảnh nhưng chưa đầy đủ / hoặc xác định đúng vấn đề sức khỏe của bệnh nhân nhưng chưa xác định được vấn đề ưu tiên	Chẩn đoán đúng, đầy đủ, phù hợp với bệnh cảnh / hoặc xác định đúng vấn đề sức khỏe của bệnh nhân, xác định được vấn đề ưu tiên.	25%
Kỹ năng chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng.	Chỉ định chưa đúng/không phân tích được kết quả hoặc phân tích chưa đúng kết quả.	Chỉ định đúng, phù hợp với tình trạng bệnh và người bệnh nhưng chưa đầy đủ/không phân tích được kết quả	Chỉ định đúng, phù hợp với tình trạng bệnh và người bệnh nhưng chưa đầy đủ/phân tích đúng, chính	1. Chỉ định đúng, đầy đủ, phù hợp với tình trạng bệnh và người bệnh. 2. Phân tích đúng,	1. Chỉ định đúng, đầy đủ, phù hợp với tình trạng bệnh và người bệnh. 2. Phân tích	15%

		hoặc phân tích chưa đúng kết quả.	xác chưa đầy đủ	nhưng chưa đầy đủ và chưa phù hợp	đúng, đầy đủ, chính xác và phù hợp	
Tư vấn và phòng bệnh	Không đưa ra/Không chính xác	Có phân chưa chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp	Chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp	Chính xác chưa đầy đủ, phù hợp	Chính xác đầy đủ, phù hợp	10%
Kỹ năng hỏi bệnh xác định vấn đề sức khỏe	Không xác định được	Xác định chưa đúng hoàn toàn	Xác định đúng, nhưng còn thiếu nhiều vấn đề	Xác định đúng, nhưng còn thiếu một số vấn đề	Xác định đúng hoàn toàn	10%

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

#### Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và lâm sàng:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm chuyên cần	5%	Điểm danh, phát. Biểu trên lớp		5%	Rubric 1 Rubric 2		
Điểm kiểm tra thường xuyên	5%	Điểm bài kiểm tra	Điểm bài kiểm tra	5%		CLO1 CLO2	Kế hoạch của Bộ môn
Điểm bài thi lâm sàng	30%	Kiến thức lâm sàng đã học về huyết chứng	Bài thi lâm sàng	30%	Rubric 3	CLO3 CLO4	Kế hoạch của Bộ môn
Điểm thi lý thuyết kết thúc học phần/mô đun	60%	Kiến thức đã học về huyết chứng	Bài thi trắc nghiệm trên máy tính	60%	Không	CLO1 CLO2	Kế hoạch của Học viện

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Môn thi: Huyết chứng luận

Đối tượng: BSCK II Y học cổ truyền

Thời gian: 30 phút

Tổng số câu: 50 câu

Tổng số câu trong đề thi được phân bố theo bảng trọng số dưới đây

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1	Số câu hỏi bậc 2	Số câu hỏi bậc 3
CLO1	30%	15	5	7	3
CLO2	70%	35	10	18	7
Tổng	100%	50	15	25	10

Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)

Bậc 2: Tái tạo (Hiểu, Áp dụng)

Bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)

9.5. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm lý thuyết bằng điểm thi trắc nghiệm.
- Điểm kiểm tra kết thúc thực hành là điểm bài thi chạy trạm
- Điểm kiểm tra thường xuyên là điểm trung bình bài kiểm tra thường xuyên và đánh giá bài thực hành qua các buổi.
- Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tổng kết kiểm tra phần thực hành \* 0,3 + Điểm tổng kết thi phần lý thuyết \* 0,6 + Điểm kiểm tra quá trình \* 0,1

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1

Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ cho các chương trình đại học tại Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 975/QĐ-HVYDHCTVN ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam

## 10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trần Thuý, Huyết chứng luận (1996), Nhà xuất bản Y học – Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[2] Đường Tôn Hải, Huyết chứng luận (1988), Hội Y học dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Y học dân tộc Đồng Tháp.

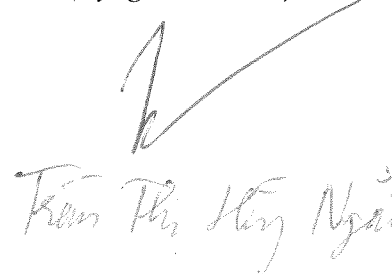
## 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần

## 12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023  
BỘ MÔN/MÔ ĐUN  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Trần Thị Huyền Ngọc



**13. Tiến trình cập nhật đề cương**

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p><b>Người cập nhật</b></p>
<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p><b>Người cập nhật</b></p>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT**

**Đối tượng: Bác sĩ chuyên khoa II Y học cổ truyền**

**1. Thông tin tổng quát**

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHD

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 10 tín chỉ (LT: 5, LS: 5)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 75 tiết

+ Lý thuyết: 75 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

+ Tự học: 20 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com

**3. Mục tiêu của học phần**

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<b>Kiến thức:</b> 1/ Hiểu được bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu, đối chứng gia giảm điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...	
2	<b>Kỹ năng :</b> Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR....	
3	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</b> Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
<b>Kiến thức</b>	
MT1: Hiểu được bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu, đối chứng gia	CĐR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CĐR CỦA HỌC PHẦN

giảm điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR...
<b>Kỹ năng</b>	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CDR....: ...
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CDR....: ...

**5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun**

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương					

**6. Mô tả học phần** (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu, đối chứng gia giảm.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>		
	Kiến thức cơ sở ngành X	Kiến thức ngành	Thực tập

				□		và khóa luận tốt nghệ □
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
□	□	X	□	□	□	

### 7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	2	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thông	3	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	3	8	2	0	15	1	
4.	Tiện bí	3	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	3	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	3	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	2	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	3	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thông	2	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	3	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	2	8	2	0	15	1	
12.	Huyền vụng	3	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	2	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	2	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	2	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	2	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	2	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	3	8	2	0	15	1	
	<b>Tổng</b>	45		34	0	255	<b>18</b>	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

### 8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	Đại cương học phần	4	0	0				

<b>Chương 1:</b> Tiêu hóa	1. Tiết tả 2. Vị quản thông 3. Tiện bí 4. Hoàng đản	10	4	8	Bình bệnh án ca lâm sàng		Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và
<b>Chương 2:</b> Cơ xương khớp	1. Tọa cốt phong 2. Lịch tiết phong 3. Cảnh chùy thống 4. Hạc tất phong 5. Ma mộc	15	4	8	Bình bệnh án ca lâm sàng		chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác.
<b>Chương 3:</b> Tổng hợp 1	1. Tiêu khát 2. Huyền vụng 3. Bán thân bất toại 4. Thất miên	10	4	8			
<b>Chương 4:</b> Tổng hợp 2	1. Khái thấu 2. Lâm chứng 3. Hư lao 4. Tâm quý	10	4	8			

## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

	Điểm lâm sàng	33%		
--	---------------	-----	--	--

Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 10. Tài liệu học tập


*Giáo trình học tập*

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

*Tài liệu tham khảo*

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

**Cấp phê duyệt**

<b>TRƯỞNG KHOA</b>	Hà Nội, ngày      tháng      năm 20 <b>BỘ MÔN</b>  <b>PGS.TS Đoàn Quang Huy</b>
--------------------	---

**Tiến trình cập nhật đề cương:**

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:  
MÔN: CHUYÊN ĐỀ NGOẠI TIÊU HÓA YHCT**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: Chuyên đề Ngoại tiêu hóa YHCT
- \* Tiếng Anh: .....
- Mã học phần/ mô đun: .....
- Số tín chỉ: 02 LT/ 03 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết
  - + Thời gian tự học: ..... tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: .....

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcuong68@gmail.com
2	Ts. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com
3			
4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

**3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)**



Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT 1	Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán được các bệnh lý Ngoại tiêu hóa điển hình theo YHCT.
MT 2	Ứng dụng các kiến thức đã học trong phân tích sâu về chẩn đoán các bệnh lý Ngoại tiêu hóa theo YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) và các phương pháp điều trị trên người bệnh. Thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị không dùng thuốc điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa.
MT 3	Vận dụng kiến thức cơ bản về các phương pháp điều trị bằng YHHĐ kết hợp YHCT trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị các bệnh lý Ngoại tiêu hóa.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
MT1	2	1	1	2	3	3	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại tiêu hóa theo YHCT
CLO2	Thực hiện thành thạo kỹ thuật của từng phương pháp điều trị bệnh lý ngoại tiêu hóa
CLO3	Thực hiện thành thạo việc kết hợp các phương pháp điều trị với các phương pháp điều trị không dùng thuốc đạt hiệu quả điều trị trên lâm sàng bệnh lý ngoại tiêu hóa.
CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của các phương pháp châm cứu trong điều trị bệnh lý ngoại tiêu hóa trên lâm sàng, cũng như kết hợp với châm cứu linh hoạt, có hiệu quả

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1	2	1	1	2	3	3	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1
CLO4	2	2	2	2	3	3	2

#### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:

- Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Quân Đội, Bệnh viện châm cứu Trung Ương, Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội, Bệnh viện YHCT Hà Đông, Bệnh viện E, Bệnh viện 198, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức

- Thực tập tại các Bệnh viện YHCT tỉnh/ thành phố trong toàn quốc và các cơ sở đủ điều kiện. (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP).

(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

**7. Mô tả chung học phần/ mô đun**

Giúp Học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT và YHHD trong việc học tập về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, dấu hiệu, tiên lượng, phương

pháp điều trị các mặt bệnh ngoại tiêu hóa đồng thời giúp học viên có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học trong thực hành nghiên cứu khoa học. Đồng thời giúp Học viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại tiêu hóa theo YHCT và YHHĐ.

**8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (02 tiết)	<p>Bài 1: Vai trò của tạng phủ trong bệnh lý hậu môn trực tràng</p>	2/0/0	CDR 4, CDR 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 1 (04 tiết)	<p>Bài 2: Bệnh trĩ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng</p>	8/0/0	CDR 4, CDR 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
Buổi 2 (04 tiết)							



Buổi 2 (04 tiết)	<p>thành bệnh Nứt kẽ hậu môn</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của Nứt kẽ hậu môn</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt Nứt kẽ hậu môn</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh Nứt kẽ hậu môn bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của Nứt kẽ hậu môn</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh Nứt kẽ hậu môn</p>			CLO4	2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép	
Buổi 1 (2 tiết)	<p>Bài 5: Thuốc nam điều trị bệnh lý Ngoại tiêu hóa</p>	2/0/0	CDR 4, CDR 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe chép	
	Thi kết thúc học phần	02 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (04 tiết) Buổi 2 (04 tiết) Buổi 3 (04 tiết) Buổi 4 (04 tiết) Buổi 5 (04 tiết) Buổi 6 (04 tiết) Buổi 7 (04 tiết) Buổi 8 (02 tiết)	Bài 1: Giảng lâm sàng và bình bệnh án Trị	0/30/0/0	CDR 4, CDR 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 1
Buổi 1 (04 tiết)	Bài 2: Giảng lâm sàng và bình bệnh	0/28/0/0	CDR 4, CDR 5	CLO1 CLO2	Máy chiếu PROJECTER	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho





Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	<p>Chương 1. Bệnh lý mạch máu</p> <p><b>Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính</b></p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng xơ vữa, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới.</li> <li>Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi.</li> <li>Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi.</li> <li>Lâm sàng, cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh.</li> <li>Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh động mạch ngoại vi.</li> <li>Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại.</li> </ol> <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ.</li> <li>Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng.</li> </ol>	4/0/0	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thuyết trình</li> <li>Động não</li> <li>Giải quyết vấn đề</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</li> <li>suy nghĩ - trả lời</li> <li>Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</li> </ol>	

<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (2 tiết)</p>	<p>Chương 2. Bệnh lý hậu môn trực tràng</p> <p><b>1. Rò hậu môn</b></p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn</li> <li>Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn</li> <li>Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn</li> <li>Các phương pháp điều trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại.</li> </ol> <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn</li> <li>Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn</li> <li>Phòng bệnh</li> </ol> <p><b>2. Bệnh trĩ</b></p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ</li> <li>Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ</li> <li>Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ</li> <li>Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng</li> </ol>	<p>6/0/0</p>	<p>CDR 5, CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
---	---	--------------	---------------------	---	---	--	--

	<p>y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trí</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trí</p> <p>3. Phòng bệnh</p>							
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (2 tiết)</p>	<p>Chương 3: Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>2. Bảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang. Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kết</p> <p>2. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc.</p>	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>			
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Bệnh lý hệ tiết niệu</p> <p>I.. Viêm Bàng Quang</p>	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2	<p>1. Thuyết trình</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p>			

Buổi 2 (4 tiết)	<p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh viêm bàng quang</li> <li>Triệu chứng và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán viêm bàng quang</li> <li>Chẩn đoán xác định và chẩn đoán viêm bàng quang</li> <li>Các phương pháp điều trị, phòng bệnh viêm bàng quang bằng y học hiện đại.</li> </ol> <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm</li> <li>Triệu chứng, biện chứng luận trị và phương pháp điều trị các thể bệnh chứng viêm bàng quang.</li> <li>Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị viêm bàng quang</li> <li>Phòng bệnh</li> <li>Sỏi tiết niệu</li> </ol> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành</li> <li>Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu</li> <li>Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu</li> <li>Các phương pháp điều trị, phòng bệnh sỏi tiết</li> </ol>		CLO3 CLO4 CLO6	2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	2. suy nghĩ - trả lời  3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
--------------------	---	--	----------------------	---	--	--

<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>niệu bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm</li> <li>2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng thạch lâm.</li> <li>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu</li> <li>4. Phòng bệnh</li> </ol>			<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
	<p>Chương 5: Gãy xương A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Định nghĩa và phân loại gãy xương</li> <li>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương</li> <li>3. Tiến triển của gãy xương</li> </ol> <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn chỉnh.</li> <li>2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và cố định xương gãy, tác dụng của cố định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ.</li> <li>3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương</li> </ol> <p>2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ 4. Thuốc</p>	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5, CDR 6</p>				

	- Thuộc dùng ngoài							
	- Thuộc dùng trong: 3 thời kỳ							
	Thi kết thúc học phần	2 tiết						KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/L S/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng Bệnh lý mạch máu		1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh lý mạch máu theo YHHD	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập.	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho điểm bài 1
Buổi 2 (4 tiết)						2. Động não	2. Suy nghĩ – trả lời	
Buổi 3 (4 tiết)		0/12/0/0	2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh lý mạch máu theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị,			3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị	

Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	0/22/0/0	chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý mạch máu bằng YHCT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Tháo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 2
Buổi 2 (4 tiết)								
Buổi 3 (4 tiết)								
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								
Buổi 6 (2 tiết)								
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	0/20/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt theo YHHTD 2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng theo YHHTD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng bằng YHCT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán	Đánh giá cho điểm bài 3
Buổi 2 (4 tiết)								
Buổi 3 (4 tiết)								
Buổi 4 (4 tiết)								





tiết)			theo YHHĐ 2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Gãy xương theo YHHĐ. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Gãy xương bằng YHCT	CLO6		thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phán biện 6. Viết bệnh án	
Thi kết thúc lâm sàng	4,0 tiết							KTTH

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

**Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành**

Tiêu chí đánh giá	Trọng số%	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm		0 – 3.9 điểm
Bệnh án lâm sàng	20%	CLO 1 CLO2	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bó cục chặt chẽ, mạch lạc;	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bó cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả	Chữ viết được; Bó cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết	Chữ viết xấu, khó đọc; Bó cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả; Kết quả chẩn	Cầu thả; Không có bó cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả; Kết quả chẩn	100%

Hỏi Thi lâm sàng			Không lỗi chính tả. Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng, đầy đủ	chưa rõ ràng Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 85%	quả bài toán Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 70%	quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 55%	đoán và điều trị đúng dưới 40%	
	80%	Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận		

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi tự luận hoặc tiểu luận.	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

#### 9.4.1. Ma trận thi tự luận.

Thời gian: 90 phút ;

Tổng số câu: 03

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
Tổ hợp 1: Bệnh lý mạch máu, Bệnh lý hậu môn trực tràng	33%	1			1
Tổ hợp 2: Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt, Gãy xương	34%	1			1
Tổ hợp 3: Sỏi tiết niệu	33%	1			1
Tổng	100%	3			3

Điểm thi được tính theo thang điểm 10

9.4.2. Thang điểm đánh giá tiểu luận

<b>Điểm</b>	<b>Tiêu chí</b>
<b>9-10</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiểu luận hoàn thành xuất sắc các mục tiêu; có đóng góp mới về lý thuyết: bổ sung lý thuyết, đưa ra giả thuyết mới, dữ liệu/dữ kiện mới, ... hoặc có đóng góp mới về thực tiễn: đưa ra giải pháp, phương án cải tiến trong sản xuất, kỹ thuật, quản lý, ...) có tính khả thi cao.</li><li>- Tiểu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ cao; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....</li></ul>
<b>8,0 ÷ 8,9</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiểu luận hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có đóng góp mới ở mức độ chưa hoàn thiện về lý thuyết hoặc thực tiễn.</li><li>- Tiểu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong sáng sủa, dễ hiểu; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....</li></ul>
<b>7,0 ÷ 7,9</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiểu luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có lập luận chặt chẽ cho các kết luận của Tiểu luận.</li></ul> <p>Tiểu luận có bố cục hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</p>
<b>6,0 ÷ 6,9</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiểu luận hoàn thành hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, có lập luận tương đối chặt chẽ cho các kết luận của luận văn.</li><li>- Tiểu luận có bố cục tương đối hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</li></ul>
<b>5,5 ÷ 5,9</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiểu luận hoàn thành một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra tuy nhiên nội dung luận văn không có điểm mới hoặc lập luận có chỗ không chặt chẽ và chính xác.</li><li>- Tiểu luận có bố cục chưa hợp lý, hình thức còn có chỗ sai sót, chưa đúng hoàn toàn quy định của Trường.</li></ul>
<b>Dưới 5</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiểu luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận còn quá sơ sài, còn có điểm sai sót.</li><li>- Tiểu luận có bố cục không hợp lý, khó hiểu, hình thức còn nhiều sai sót, chưa theo đúng quy định của Trường.</li></ul>

## 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi tự luận hoặc tiểu luận.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

## 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

## 12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**TRƯỜNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Đoàn Minh Thủy**

**13. Tiến trình cập nhật đề cương**

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:**  
**MÔN: Sinh dục và giới tính YHCT kết hợp YHHĐ**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:

\* Tiếng Việt: Sinh dục và giới tính YHCT kết hợp YHHĐ

\* Tiếng Anh: Reproductive system and Sexual Medicine Traditional medicine combined with modern medicine

- Mã học phần/ mô đun: 121311

- Số tín chỉ: 2 LT/ 3 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: ..... tiết

+ Thời gian tự học: ..... tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: .....

+ Học phần học trước: .....

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	<a href="mailto:doanminhthuyvn@yahoo.com">doanminhthuyvn@yahoo.com</a>

2	TS.BS. Quách Thị Yến	0912661423	Quachthiyen@gmail.com
3	TS.BS. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com
4	ThS.BS. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
5	ThS.BS. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
6	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHHD và YHCT
MT2	Thực hiện thành thạo việc thăm khám, chỉ định cận lâm sàng tiên tiến, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện tốt các phương pháp điều trị phù hợp bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHCT kết hợp YHHD.
MT3	Cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý Sinh dục và giới tính kết hợp YHCT với YHHD một cách khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
MT1	2	1	1	2	3	3	1	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHHD và YHCT



CLO2	Thực hiện thành thạo việc thăm khám, chỉ định cận lâm sàng tiên tiến, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện tốt các phương pháp điều trị phù hợp một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHCT kết hợp YHHĐ
CLO3	Cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý Sinh dục và giới tính kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)**

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)**

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	2	1	1	2	3	3	1	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1	1

**6. Yêu cầu của học phần/ mô đun**

**6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:**

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức và các bệnh viện thực hành của Học viện (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức dạng SEMINAR)

**Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....

**6.2. Yêu cầu đối với học viên**

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

### **7. Mô tả chung học phần/ mô đun**

Giúp học viên đạt được kiến thức tổng hợp, phân tích, kỹ năng chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý sinh dục – y học giới tính YHCT kết hợp YHHD. Có thái độ cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý sinh dục và giới trong việc học tập và nghiên cứu.

### **8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (8 tiết)	Chương 1. Sinh lý sinh dục YHHD Triệu chứng bệnh lý nam khoa 1. Giải phẫu hệ sinh dục 2. Sinh lý sinh dục sinh sản nam nữ 3. Triệu chứng bệnh lý nam khoa	4/0/4	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (8 tiết)	Chương 2. Biện chứng luận trị bệnh lý nam nữ khoa 1. Bệnh nguyên bệnh cơ 2. Biện chứng luận trị và chẩn đoán bệnh 3. Phương pháp điều trị	4/0/4	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

<p>Buổi 3 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Suy sinh dục nam</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh Suy sinh dục nam</li> <li>2. Triệu chứng Suy sinh dục nam và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán Suy sinh dục nam.</li> <li>4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt Suy sinh dục nam</li> <li>5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh Suy sinh dục nam bằng y học hiện đại.</li> </ol> <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng Suy sinh dục nam.</li> <li>2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và phương pháp điều trị các thể bệnh chứng Suy sinh dục nam .</li> <li>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị Suy sinh dục nam</li> <li>4. Phòng bệnh</li> </ol>	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>
<p>Buổi 4 (8 tiết)</p>	<p>Chương 5: Vô sinh nam nữ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Định nghĩa và phân loại Vô sinh.</li> <li>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chẩn đoán Vô sinh.</li> </ol> <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyên nhân gây vô sinh</li> </ol>	<p>4/0/4</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng</p>

	2. Chẩn đoán và điều trị vô sinh			quyết vấn đề	vấn đề	nghe ghi chép	
Buổi 5 (02 tiết)	Một số phương pháp hỗ trợ sinh sản	2/0/0					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Suy sinh dục nam		CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện	Đánh giá cho điểm bài 1
Buổi 2 (4 tiết)		0/12/0/0					
Buổi 3 (4 tiết)							

						pháp điều trị Bệnh lý Suy sinh dục nam theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh Suy sinh dục nam bằng YHCT						6. Viết bệnh án	
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Vô sinh Nam					1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Vô sinh Nam theo YHHD 2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Vô sinh Nam theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Vô sinh nam bằng YHCT	CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 2		
Buổi 2 (4 tiết)													
Buổi 3 (4 tiết)													
Buổi 4 (4 tiết)													
Buổi 5 (4 tiết)													
Buổi 6 (2 tiết)													
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Vô sinh Nữ			0/22/0/0		1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và	CLO1 CLO2	Máy chiếu PROJECTER	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho		

Buổi 2 (4 tiết)			triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Vô sinh nữ theo YHHD	CLO3	, LAPTOP, loa, mic...	đẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	điểm bài 3
Buổi 3 (4 tiết)			2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Vô sinh nữ theo YHHD.					
Buổi 4 (4 tiết)			3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Vô sinh nữ bằng YHCT					
Buổi 5 (4 tiết)			1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được viêm màng tinh mãn tính theo YHHD	CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 4
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh viêm màng tinh mãn tính	0/20/0/0						
Buổi 2 (4 tiết)								
Buổi 3 (4 tiết)								
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								

					<p>3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị viêm màng tinh mẫn tính bằng YHCT</p>				
<p>Buổi 1 (4 tiết) Buổi 2 (4 tiết) Buổi 3 (4 tiết)</p>	<p>Case lâm sàng rối loạn cương dương</p>	<p>0/12/0/0</p>	<p>1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được bệnh lý rối loạn cương dương theo YHHD</p> <p>2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị bệnh lý rối loạn cương dương theo YHHD.</p> <p>3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bệnh lý rối loạn cương dương bằng YHCT</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>Máy chiếu PROJECTOR , LAPTOP, loa, mic...</p>	<p>1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án</p>	<p>Đánh giá cho điểm bài 5</p>	<p>KTHH</p>
<p>Thi hết thực hành/lâm sàng: Chấm hợp điểm các bài</p>									



## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm		0 – 3.9 điểm
Bệnh án lâm sàng	20%	CLO1 CLO2 CLO3	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả. Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng, đầy đủ	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 85%	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 70%	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 55%	Câu trả; Không có bỏ cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả; Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng dưới 40%	100%
Hỏi Thi lâm sàng	80%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi tự luận hoặc tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

#### 9.4.1. Ma trận thi tự luận.

Thời gian: 90 phút ;

Tổng số câu: 03

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
Tổ hợp 1: Bệnh lý suy sinh dục Nam	33%	1			1
Tổ hợp 2: Bệnh lý vô sinh Nam – Nữ	34%	1			1
Tổ hợp 3: Chẩn đoán và điều trị các vấn đề tình dục và sinh sản ở Nam giới	33%	1			1
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>3</b>			<b>3</b>

Điểm thi được tính theo thang điểm 10

#### 9.4.2. Thang điểm đánh giá tiểu luận

Điểm	Tiêu chí
9-10	- Tiểu luận hoàn thành xuất sắc các mục tiêu; có đóng góp mới về lý thuyết:

	<p>bổ sung lý thuyết, đưa ra giả thuyết mới, dữ liệu/dữ kiện mới, ... hoặc có đóng góp mới về thực tiễn: đưa ra giải pháp, phương án cải tiến trong sản xuất, kỹ thuật, quản lý, ...) có tính khả thi cao.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong khoa học, chất lượng ngôn ngữ cao; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....</p>
<b>8,0 ÷ 8,9</b>	<p>- Tiểu luận hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có đóng góp mới ở mức độ chưa hoàn thiện về lý thuyết hoặc thực tiễn.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục hợp lý, rõ ràng, mạch lạc và đúng quy định của Trường về hình thức; văn phong sáng sủa, dễ hiểu; hầu như không có các lỗi trình bày văn bản, lỗi chính tả, v.v....</p>
<b>7,0 ÷ 7,9</b>	<p>- Tiểu luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; có lập luận chặt chẽ cho các kết luận của Tiểu luận.</p> <p>Tiểu luận có bố cục hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</p>
<b>6,0 ÷ 6,9</b>	<p>- Tiểu luận hoàn thành hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, có lập luận tương đối chặt chẽ cho các kết luận của luận văn.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục tương đối hợp lý, hình thức theo đúng quy định của Trường.</p>
<b>5,5 ÷ 5,9</b>	<p>- Tiểu luận hoàn thành một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra tuy nhiên nội dung luận văn không có điểm mới hoặc lập luận có chỗ không chặt chẽ và chính xác.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục chưa hợp lý, hình thức còn có chỗ sai sót, chưa đúng hoàn toàn quy định của Trường.</p>
<b>Dưới 5</b>	<p>- Tiểu luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận còn quá sơ sài, còn có điểm sai sót.</p> <p>- Tiểu luận có bố cục không hợp lý, khó hiểu, hình thức còn nhiều sai sót, chưa theo đúng quy định của Trường.</p>

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi tự luận hoặc luận văn.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi tự luận hoặc luận văn.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình hệ sinh dục*, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2]. Tài liệu phát tay.

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học giới tính nam, Trần Quán Anh, Nguyễn Bửu Triều, NXB Y học (2009)
2. Giáo trình học tập: Bệnh học cơ sở hệ sinh dục nam (Tài liệu lưu hành nội bộ)
3. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmedhealth/PMHT0025040/>  
Reproductive System

## 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

## 12. Cấp phê duyệt

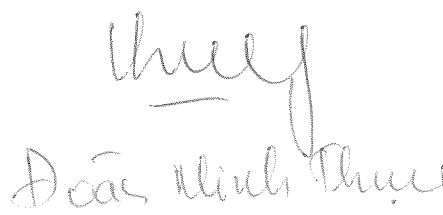
**TRƯỞNG KHOA**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**BỘ MÔN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Đào Minh Thủy

<i>Ngày/tháng/năm.</i>	
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**MÔN: DA LIỄU.**

12

**1. Thông tin tổng quát về học phần**

- Tên học phần: Da liễu YHCT kết hợp YHHD  
**Tên môn học: Da Liễu**  
**Tên tiếng Anh: Dermatology**
- Mã học phần .....
- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết và 3 Lâm sàng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Lâm sàng: 45 tiết chuẩn ( 90 tiết quy đổi)
  - + Kiểm tra, đánh giá: 8 tiết
  - + Thời gian tự học: 120 tiết
- Đối tượng học: CKII- ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: .....
  - + Học phần học trước: .....
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da Liễu

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thế Vỹ	0904250502	
2	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Thơm	0915642865	drthomvu@gmail.com

4	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Phương	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

#### 3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo bác sĩ chuyên khoa hai là đào tạo chuyên gia có phẩm chất chính trị, ý thức tác phong chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý, có kiến thức tiên tiến, trình độ cao về năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, khả năng đào tạo nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực da liễu y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại

#### 3.2. Mục tiêu HP cụ thể

1. Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng chuyên sâu, tiên tiến, cập nhật. Có khả năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, có trình độ cao về năng lực thực hành nghề nghiệp phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra các giải pháp xử lý trong lĩnh vực chuyên ngành da liễu y học cổ truyền kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học

2. Tôn trọng pháp luật thực hiện đúng đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp, trung thực khách quan tác phong hành nghề chuyên nghiệp và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời có khả năng đồng cảm chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an toàn chất lượng của người bệnh và cộng đồng

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		3	
MT2			3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

### 4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu

#### Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
----------------	-----------------------

CLO1	Nghiên cứu khoa học độc lập, giảng dạy hướng dẫn trên lâm sàng
CLO2	Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng chuyên sâu tiên tiến cập nhật, thực hiện thành thạo một số các thủ thuật trên da. Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề thuộc lĩnh vực da liễu YHCT để đưa ra giải pháp xử lý một cách khoa học
CLO3	Ứng dụng được kỹ thuật hiện đại trong chuẩn đoán, điều trị một số bệnh da liễu và một số vấn đề của da liễu thẩm mỹ chuyên sâu.
CLO4	Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức quản lý điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác trong lĩnh vực da liễu YHCT
CLO5	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử hiệu quả với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp.

**5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)**

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

**Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)**

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1			3				
CLO2				3			
CLO3					3		
CLO4						3	
CLO5							3

**6. Yêu cầu của học phần/ mô đun**

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

**Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	.....



## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Lâm sàng: Thực hiện đầy đủ các buổi học lâm sàng tại bệnh viện. Đọc trước nội dung liên quan đến phần lâm sàng và làm bệnh án đầy đủ trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài kiểm tra, thi kết thúc học phần lý thuyết và lâm sàng (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài lâm sàng.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT

- Mục đích chính của học phần là đào tạo cho học viên thành thạo thực hành lâm sàng về chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu và một số vấn đề da liễu thẩm mỹ bằng YHHĐ và YHCT.

- Nội dung chính của học phần là cung cấp kiến thức lý thuyết, giảng dạy lâm sàng và một số thủ thuật chuyên sâu trong thẩm mỹ da. Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT kết hợp YHCT và YHHĐ.

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Cấu trúc da Cung cấp cho học viên nguồn tài liệu lý thuyết liên quan đến da liễu YHCT và YHHĐ	4/0/16	Phân tích được những dấu hiệu bệnh lý liên quan đến từng cấu trúc da theo YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi	Đọc trước nội dung (tài liệu)  Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
Buổi 2 (6 tiết)	Lão hoá da Các phương pháp chống lão hoá bằng YHCT	4/0/16	Viết được một tiểu luận tổng quan các phương pháp chống lão hoá hiện nay bằng YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	Nêu mục tiêu bài học Giao bài tập cho học viên	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm	
Buổi 3 (4 tiết)	Trứng cá	4/0/16	Viết được một tiểu luận tổng quan các phương pháp điều trị trứng cá mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	Nêu mục tiêu bài học Giao bài tập cho học viên	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm	
Buổi 4	Nám da	4/0/16	Báo cáo trên slide những cập nhật mới	CLO1	Góp ý	Đọc trước nội dung (tài liệu)	

(4 tiết)			nhất về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phương pháp điều trị YHCT và YHHĐ	CLO2	Đặt câu hỏi cho viên luận Giao bài tập học thảo luận	Trình bày slide Thảo luận nhóm	
Buổi 5 (4 tiết)	Viêm da cơ địa	4/0/16	Viết được một tiểu luận tổng quan các phương pháp điều trị viêm da cơ địa mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ và trình chiếu được trên slide	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi Giao bài tập học thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm	
Buổi 6 (4 tiết)	Vẩy nến		Viết được một tiểu luận tổng quan các phương pháp điều trị vẩy nến mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ và trình chiếu được trên slide	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi Giao bài tập học thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm	
Buổi 7 (4 tiết)	Máy đay YHCT		Viết được một tiểu luận tổng quan các phương pháp điều trị máy đay mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ và trình chiếu được trên slide	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi Giao bài tập học thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm	
	Thi kết thúc học phần	4 tiết					KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LS/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Đại cương da liễu Y học cổ truyền	8/16	Khám tổng thể da 1 bệnh nhân, phân tích, đánh giá một số tổn thương trên da, so sánh giữa da lành và da bệnh lý	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên khám trên bệnh nhân	Làm bệnh án khám trên người bình thường và người bệnh Trả lời câu hỏi của thầy	
Buổi 2 (4 tiết)	Lão hoá da Các phương pháp chống lão hoá bằng YHCT	8/16	Thực hiện một số thủ thuật chuyên sâu trên da. PRP.	CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên hiện thủ thuật trên bệnh nhân	Quan sát Thảo luận nhóm	
Buổi 3 (4 tiết)	Trứng cá	8/16	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)	CLO2 CLO3 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao việc học viên. Đưa ra phác	Làm bệnh án Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	

Buổi 4 (4 tiết)	Nám da			Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt nám Thực hiện một số thủ thuật điều trị nám ( Massage, châm cứu, thủy châm, cấy chỉ, peel, vi kim, thuốc bôi, đắp, uống )	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	
Buổi 5 (4 tiết)	Viêm da cơ địa YHCT		4/0/16	tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt viêm da cơ địa Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị viêm da cơ địa ( châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống )	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	
Buổi 6 (4 tiết)	Vẩy nến YHCT		4/0/16	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, đánh giá được tổn thương, chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt vẩy nến Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị vẩy nến ( châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống )	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	
Buổi 7 (4 tiết)	Mây đay YHCT		4/0/16	Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt mây đay Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị mây đay ( châm cứu, thủy châm thuốc	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao cho viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm	



Hình thức trình bày;	20%	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục chặt chẽ; mạch lạc; Không lỗi chính tả	đầy đủ	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	chưa logic	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	luận	Câu hỏi; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
----------------------	-----	--	--------	--	------------	--	------	--

**Ví dụ Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)**

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp</li> <li>Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp</li> <li>Nội dung chưa theo hệ thống, logic</li> </ul>
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Khuyến khích</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> <li>Hiệu ứng xuất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi</li> <li>Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày</li> </ul>

3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<p>một số hiệu ứng khi cần thiết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	hiện chưa phù hợp	<p>hiện khi cần thiết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> <li>- Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<p>hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<p>hiệu ứng xuất hiện theo dõi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. - Kế hoạch rõ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. - Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> </ul>	



				<p>ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Đánh giá thành viên</li> </ul>	<p>ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<p>ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<p>2. – Kế hoạch đầy đủ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<p>2. – Kế hoạch không rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>
--	--	--	--	---	--	---	---	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Th/phần đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số	Rubric	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	Điểm danh	10%		CLO 1 CLO 2	- Tham gia đầy đủ buổi học lý thuyết - Tham gia tích cực thực tế ngoại khoá:
	Thực tế ngoại khoá	10%		CLO 4 CLO 5	
				CLO 1 CLO 2,3	
A2. Kỹ năng lâm sàng	Điểm danh Bài tập về nhà ( đọc trước bài trước khi đi lâm sàng)			CLO 4 CLO 5	GV cho SV lập các nhóm SV ngay từ đầu HP theo hướng dẫn giáo viên phụ trách n/cứu tài liệu, đi lâm sàng tại các bệnh viện làm hồ sơ, bệnh án .
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi tự luận :LT Vấn đáp, bệnh án: LS			CLO 1,2,3 CLO 4,5	

*SV tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi lý thuyết hoặc nghỉ 1 buổi lâm sàng sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

#### Điểm học phần/ mô đun

*Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).*

Bảng 9.3.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rubric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng

						CLO4 CLO5	
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi tự luận Thi trên bệnh nhân or ca lâm sàng	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Theo KH của Bộ môn

#### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

#### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

## 10. Tài liệu học tập

**Bảng 10.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Giáo trình chính</b>				
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
<b>Sách, giáo trình tham khảo</b>				
2	Bộ Y tế - Trường Đại học Y Hà nội	2010	Một số bệnh da liễu	<i>Nhà xuất bản Y học</i>
3	Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y.	2008	Bệnh học Da liễu	<i>Nhà xuất bản Quân đội.</i>
4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	2005	Bài giảng bệnh Da liễu	<i>Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</i>
5	Bộ Y Tế Phạm Văn Hiến	2010	Da liễu học	<i>Nhà xuất bản Giáo dục</i>
6	Layton, Alison	2010	<i>Rock textbook 8<sup>th</sup> edition</i>	
7		2006	黄帝.黄帝内经素问[M]. 北京: 中国中医药出版社 (Hoàng đế nội kinh tổ vấn )	NXB Trung y dược Trung quốc
8	Sào Nguyên Phương.	2006	巢元方. 诸病源候论[M]. 北京: 人民军医出版社 (Chư bệnh nguyên hậu luận)	NXB quân y dân nhân

## 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

**12. Cấp phê duyệt**

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Phan Thị Hoa*

**13. Tiến trình cập nhật đề cương**

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

**HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**

**KHOA Y HỌC LÂM SÀNG - BỘ MÔN NHI**

14

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔN: CHUYÊN ĐỀ NHI**

**ĐỐI TƯỢNG: BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

**SỐ TÍN CHỈ: 5 TÍN CHỈ**

**KHÓA: 2023**

**HÀ NỘI**

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:  
MÔN: CHUYÊN ĐỀ NHI**

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/ mô đun:
- \* Tiếng Việt: Chuyên đề Nhi khoa YHCT
- \* Tiếng Anh: Traditional medicine pediatrics topic
- Mã học phần/ mô đun: 121314
- Số tín chỉ: 2 LT/3LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết
  - + Lý thuyết: 30 tiết
  - + Lâm sàng: 86 tiết
  - + Kiểm tra, đánh giá: 04 tiết
  - + Thời gian tự học: 120 tiết
- Đối tượng học (năm thứ 2): Chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết: Lý luận Y học cổ truyền
  - + Học phần học trước:
  - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh260878@gmail.com
2			
3			

4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	---	--	--

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT
MT2	Có kiến thức chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHD.
MT3	Có kỹ năng thu thập thông tin; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi;
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT 2: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng chuyên sâu, tiên tiến, cập nhật; có khả năng thực hành nghề nghiệp thành thạo dựa trên bằng chứng trong lĩnh vực chuyên môn; trình độ cao về năng lực thực hành nghề nghiệp; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.			x
MT3: Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp, trung thực, khách quan, tác phong hành nghề chuyên nghiệp và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời có khả năng đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an		x	



toàn - chất lượng của người bệnh và của cộng đồng			
---	--	--	--

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

#### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

**Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun**

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được tường tận các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT
CLO2	Phân tích được chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ
CLO3	Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi.
CLO4	Vận dụng thuần thục được các kỹ năng của YHCT và YHHĐ để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở bệnh nhi.
CL05	Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành.
CL06	Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

**Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)**

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				(3)			
CLO2				(3)	(2)		
CLO3				(3)			
CLO4					(2)		
CLO5						(3)	(3)
CLO6				(3)			

#### 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: thực tập tại các bệnh viện Châm cứu Trung ương, Y học cổ truyền Trung ương (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

**Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP**

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ lâm sàng
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP

2	loa, mic
3	Ổng nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch

## 6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên cần có ống nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch...
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Lâm sàng/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu lâm sàng /thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Chuẩn bị đầy đủ nội dung liên quan đến phần lâm sàng/thảo luận và viết báo cáo/ bệnh án trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức chuyên sâu về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT có kết hợp YHHĐ gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

Sau khi học xong học phần học viên có kiến thức chuyên sâu về Nhi khoa Y học cổ truyền có kết hợp Y học hiện đại

## 8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

### 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền</li> <li>- Nguyên tắc điều trị nhi khoa y học cổ truyền</li> </ul>	4/0/4	...	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (2 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền</li> </ul>	2/0/4	.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

Buổi 3 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Táo bón mạn tính chức năng	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 4 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Tiêu chảy	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 5 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Suy dinh dưỡng - Sa trực tràng	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình  2. Động não  3. Giải	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi	

Buổi 6 (4 tiết)	Chương 3: Hô hấp - Hô hấp	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	quyết vấn đề 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	chép 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 7 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Liệt VII ngoại biên	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 8 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Bại não - Các chứng liệt	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời	

									3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
									2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	
								0,5 tiết		KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 4 tiết	Bài 1: Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/4	1. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm sinh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ 2. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm bệnh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	Phòng bệnh, phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1

4 tiết	Bài 2: Nguyên tác điều trị nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/4	Vận dụng tốt kiến thức về nguyên tắc điều trị trẻ em theo YHCT có kết hợp YHHH	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 2
8 tiết	Bài 3: Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán nhi khoa	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 3
8 tiết	Bài 4: Táo bón mạn tính chức năng	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ táo bón mạn tính chức năng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm	Đánh giá cho điểm bài 4

8 tiết	Bài 5: Tiêu chảy		08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ tiêu chảy	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	4. Viết báo cáo 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 5
8 tiết	Bài 6: Suy dinh dưỡng		08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ suy dinh dưỡng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6
8 tiết	Bài 7: Sa trực tràng		08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ sa trực tràng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Ván đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm	Đánh giá cho điểm bài 4



16 tiết	Bài 8: Hen phế quản	16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ hen phế quản	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	4. Viết báo cáo 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 8
8 tiết	Bài 9: Liệt VII ngoại biên	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ liệt VII ngoại biên	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 9
16 tiết	Bài 10: Bại não và các chứng liệt	16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ bại não và các chứng liệt	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 10

									4. Viết báo cáo		KTTH
Thi hết làm sàng:	4,0 tiết										
Chấm hợp điểm các bài											

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

#### 9.2. Rubric:

**Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận làm sàng (có slides đi kèm)**

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO1 CLO2 CLO4	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót	- Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp	- Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp	- Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp
2	Hình thức các slides	10%	CLO1 CLO2 CLO4	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi</li> </ul>
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO1 CLO2 CLO4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> <li>- Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng</li> <li>- Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều</li> <li>- Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe</li> </ul>	
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO1 CLO2 CLO4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời đúng nội dung (<math>\geq 85\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời tương đối đúng nội dung (<math>\geq 70\%</math>)</li> <li>- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác</li> <li>- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man</li> </ul>	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Chia sẻ công việc thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia nhiệt tình</li> <li>- Hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Ít chia sẻ công việc thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia không nhiệt tình</li> <li>- Chưa hoàn thành công việc được phân công</li> <li>- Không chia sẻ công việc thành viên</li> </ul>		

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch rõ ràng</li> <li>- Phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch đầy đủ</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ít tham gia ý kiến chung</li> <li>2. – Kế hoạch không rõ ràng</li> <li>- Không phân công cụ thể</li> <li>- Giám sát thành viên</li> <li>- Chưa kiểm soát kết quả</li> <li>- Chưa đánh giá thành viên</li> </ul>
--	--	--	--	---	---	--	---	--

### 9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm học phần

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	40%	Theo chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO4	Theo KH của Bộ môn

### 9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1 CLO2	100%	03	1	1	1
Tổng	100%	03	1	1	1

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

### 9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nhi khoa Y học cổ truyền, Khoa Y học cổ truyền, Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học, năm 2017.

### 10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Giáo trình Nhi Khoa Y học cổ truyền, Bộ môn Nhi, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

## 11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

## 12. Cấp phê duyệt

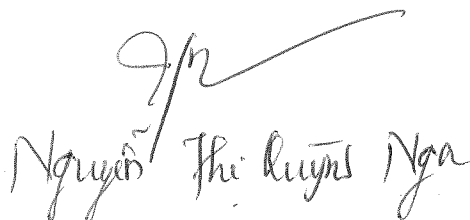
**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**BỘ MÔN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

  
Nguyễn Thị Tuyết Nga

## 13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HVYDCT, ngày .... tháng... năm 2023  
của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa II, Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo:

**1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun**

- Tên học phần/mô đun:
- \* Tiếng Việt: Chuyên đề Lão khoa YHCT
- \* Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun: 121315
- Số tín chỉ: 05(01LT/ 04LS)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
  - + Lý thuyết: 15 tiết
  - + Thực hành/ Lâm sàng: 120 tiết
  - + Bài tập:..... tiết
  - + Thảo luận, hoạt động nhóm: .....tiết
  - + Kiểm tra:.....tiết
  - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
  - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
  - + Học phần học trước (đã học):
  - + Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
----	----------------------------	------------	-------

1	Ts. Nguyễn Thị Kim Ngân	0983315313	<a href="mailto:Ngan_duong1969@yahoo.com">Ngan_duong1969@yahoo.com</a>
2	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	<a href="mailto:Bsyphamvukhanh@yahoo.com">Bsyphamvukhanh@yahoo.com</a>
3	Ts. Tống Thị Tam Giang	0912660287	<a href="mailto:bstongthitamgiang@gmail.com">bstongthitamgiang@gmail.com</a>
4	Ts. Phạm Thùy Phương	0983654033	<a href="mailto:thuyphuongydhctvn@gmail.com">thuyphuongydhctvn@gmail.com</a>

### 3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Phân tích được sự thay đổi sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT HP2	Vận dụng được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
MT HP3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP4	Thực hiện chính xác kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1		2	
MT HP2		2	
MT HP3		2	
MT HP4			2

### 4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được sự thay đổi sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
CLO2	Vận dụng được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
CLO3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
CLO4	Thực hiện chính xác kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

### 5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1				2			
CLO 2				2			



CLO 3				2	2		
CLO4							2

## 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng học có máy chiếu, mic

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%, số tiết tham dự thực hành đạt 100%

## 7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHĐ và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHĐ và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHĐ.

**8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

**8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

**Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra**

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về lão khoa YHHD + YHCT	4/	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi theo YHHD + YHCT	CLO1	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
2	Nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi YHHD + YHCT	4	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	CLO2	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
3	Bệnh học và Điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	
8	Giải đáp thắc mắc	3	Giải đáp thắc mắc.	CLO1 CLO2 CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	

**8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:**

**Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra**

Tuần / Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS / KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
2	Chẩn đoán và điều trị TBMMN	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
3	Chẩn đoán và Điều trị Đái tháo đường	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
4	Chẩn đoán và	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể	CLO 2,		Phương pháp	Thảo	

	Điều trị Loãng xương, thoái hóa khớp		Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 3, CLO 4,		giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	luận nhóm	
5	Chẩn đoán và Điều trị COPD	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
6	Chẩn đoán và Điều trị Alzheimer	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
7	Chẩn đoán và Điều trị mất ngủ	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
8	Chẩn đoán và	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể	CLO 2,		Phương pháp	Thảo luận	

	Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid		Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 3, CLO 4,		giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	luận nhóm
9	Chẩn đoán và Điều trị Parkinson	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO 2, CLO 3, CLO 4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm

## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

#### \* Chỉ tiêu đánh giá:

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Lâm sàng: Cách làm, trình bày bệnh án.  
Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng.

Đánh giá theo bảng kiểm.

#### \* Phương pháp đánh giá:

Nội dung	Số lần	Phương pháp	Trọng số
Điểm thi kết thúc học phần	01	Thi test	0,2
Điểm thi lâm sàng	01	Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án	0.1

#### \* Phương pháp tính điểm môn học:

$$\text{Điểm TKMH} = (\text{Điểm TKLT} * 2 + \text{Điểm TKLS}) / 3$$

## 10. Tài liệu học tập

### 10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên giáo trình. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

- Lão khoa Y học cổ truyền – NXB Giáo dục
- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

## 11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

**12. Cấp phê duyệt**

**TRƯỞNG KHOA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm  
**BỘ MÔN/MÔ ĐUN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
H.T. Kim Ngân

**13. Tiến trình cập nhật đề cương**

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NỘI CHUYÊN SÂU YHCT KẾT HỢP YHHĐ 1**  
**Đối tượng: Bác sĩ chuyên khoa II Y học cổ truyền**

**1. Thông tin tổng quát**

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội chuyên sâu YHCT kết hợp YHHĐ 1

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine Part 1

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 5 tín chỉ (LT: 2, LS: 3)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành X		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần: đã học xong phần “Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ”

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	TS Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com

**3. Mục tiêu của học phần**

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm điều trị các bệnh chứng thuộc nhóm cơ xương khớp.
MT2	Cập nhật được chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị bệnh thuộc nhóm cơ xương khớp.
MT3	Phân tích, vận dụng và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng trong việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại nhóm bệnh cơ xương khớp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			
...			

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Xây dựng được bảng mô tả chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm điều trị các bệnh chứng thuộc nhóm cơ xương khớp.
CLO2	Mô tả được chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị bệnh thuộc nhóm cơ xương khớp theo tài liệu cập nhật.
CLO3	Với từng chủ đề: phân tích, vận dụng và giải quyết tốt việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trên một ca bệnh cụ thể.

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao



Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1	3	3	3	3	3	3	3
CLO2	3	3	3	3	3	3	3
CLO3	3	3	3	3	3	3	3

## 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức bình bệnh án ca bệnh dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Phòng học có phương án chia nhóm nhỏ thảo luận.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên có giáo trình.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý trường hợp nghỉ học.

- Thực hành lâm sàng: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chi tiết học phần

Học phần Nội chuyên sâu 1 YHCT kết hợp YHHĐ cung cấp cho người học kiến thức về nhóm bệnh cơ xương khớp trong lâm sàng y học cổ truyền.

Chủ đề học tập bao gồm: 1/ Thoái hóa khớp gối, 2/ Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống cổ, 3/ Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng, 4/ Viêm cột sống dính khớp, 5/ Viêm khớp dạng thấp, 6/ Viêm quanh khớp vai, 7/ Hoại tử vô khuẩn chỏm xương, 8/ Loãng xương.

Với mỗi chủ đề, phân kiến thức và kỹ năng bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm theo y học cổ truyền; chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị theo y học hiện đại; phân tích để xây dựng phương án điều trị theo hướng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại cho ca bệnh cụ thể.

### 8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học	Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (tiết)						
		LT	TH	TL	BT	Tổng		
1.	Đại cương học phần	1	0	0	0	1	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Thoái hóa khớp gối	4	8	2	0	14	2	
3.	Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống cổ	4	8	2	0	14	2	
4.	Thoái hóa và thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	3	8	2	0	13	2	
5.	Viêm cột sống dính khớp	4	8	2	0	14	2	
6.	Viêm khớp dạng thấp	4	8	2	0	14	2	
7.	Viêm quanh khớp vai	4	8	2	0	14	2	
8.	Hoại tử vô khuẩn chỏm xương	3	8	2	0	13	2	
9.	Loãng xương	3	8	2	0	13	2	

	<b>Tổng</b>	30	64	16	0		<b>16</b>	
--	-------------	----	----	----	---	--	-----------	--

*Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành*

## 9. Phương pháp đánh giá học phần

### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

### 9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>				
1	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	40%	- Kiến thức chính xác, cập nhật; - Hình thức trình bày theo quy định.	
2	Điểm lâm sàng	60%	- Thao tác kỹ năng đúng yêu cầu; - Logic và chính xác trong biện chứng điều trị	

## 10. Tài liệu học tập

- *Giáo trình học tập:*

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

- *Tài liệu tham khảo:*

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều trị học nội khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.

Trung y nội khoa học, Nhà xuất bản nhân dân Bắc Kinh.

## 11. Hướng dẫn thực hiện

- Giáo vụ bộ môn căn cứ kế hoạch đào tạo của Học viện, xây dựng kế hoạch giảng dạy của học phần, trình Chủ nhiệm Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên thực hiện kế hoạch giảng dạy và lượng giá theo nhiệm vụ công việc được phân công.

- Giáo vụ bộ môn tổng hợp kết quả lượng giá, trình Chủ nhiệm Bộ môn phê duyệt, nộp gửi về bộ phận quản lý.

## 12. Cấp phê duyệt

**TRƯỞNG KHOA**

Hà Nội, ngày      tháng      năm 20  
**BỘ MÔN**



**PGS.TS Đoàn Quang Huy**

## 13. Tiến trình cập nhật đề cương:

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NỘI CHUYÊN SÂU YHCT KẾT HỢP YHHĐ 2**  
**Đối tượng: Bác sĩ chuyên khoa II Y học cổ truyền**

**1. Thông tin tổng quát**

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Nội chuyên sâu YHCT kết hợp YHHĐ 2

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine Part 2

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 5 tín chỉ (LT: 2, LS: 3)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần: đã học xong phần “Nội tổng hợp YHCT kết hợp YHHĐ”

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

**2. Thông tin về giảng viên**

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	TS Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com

**3. Mục tiêu của học phần**

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm điều trị các bệnh chứng thuộc nhóm tim mạch nội tiết chuyển hóa
MT2	Cập nhật được chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị bệnh thuộc nhóm tim mạch nội tiết chuyển hóa
MT3	Phân tích, vận dụng và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng trong việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại nhóm bệnh tim mạch nội tiết chuyển hóa

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1			
MT2			
...			

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Xây dựng được bảng mô tả chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm điều trị các bệnh chứng thuộc nhóm tim mạch nội tiết chuyển hóa
CLO2	Mô tả được chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị bệnh thuộc nhóm tim mạch nội tiết chuyển hóa theo tài liệu cập nhật.
CLO3	Với từng chủ đề: phân tích, vận dụng và giải quyết tốt việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trên một ca bệnh cụ thể.

#### 5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1	3	3	3	3	3	3	3
CLO2	3	3	3	3	3	3	3
CLO3	3	3	3	3	3	3	3

## 6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: .....(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành: ....(Tổ chức bình bệnh án ca bệnh dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Phòng học có phương án chia nhóm nhỏ thảo luận.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên có giáo trình.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý trường hợp nghỉ học.

- Thực hành lâm sàng: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

## 7. Mô tả chi tiết học phần

Học phần Nội chuyên sâu 1 YHCT kết hợp YHHĐ cung cấp cho người học kiến thức về nhóm bệnh tim mạch nội tiết chuyển hóa trong lâm sàng y học cổ truyền.

Chủ đề học tập bao gồm: 1/ Tăng huyết áp, 2/ Đái tháo đường, 3/ Rối loạn lipid máu, 4/ Bệnh lý thần kinh đái tháo đường, 5/ Suy giãn tĩnh mạch, 6/ Mất ngủ, 7/ Thiếu năng tuần hoàn não, 8/ Tai biến mạch não.

Với mỗi chủ đề, phân kiến thức và kỹ năng bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm theo y học cổ truyền; chẩn đoán, phác đồ, thuốc điều trị theo y học hiện đại; phân tích đề xây dựng phương án điều trị theo hướng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại cho ca bệnh cụ thể.

### 8. Kế hoạch, nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học	Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (tiết)						
		LT	TH	TL	BT	Tổng		
1.	Đại cương học phần	1	0	0	0	1	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Tăng huyết áp	4	8	2	0	14	2	
3.	Đái tháo đường	4	8	2	0	14	2	
4.	Rối loạn lipid máu	3	8	2	0	13	2	
5.	Bệnh lý thần kinh đái tháo đường	4	8	2	0	14	2	
6.	Suy giãn tĩnh mạch	4	8	2	0	14	2	
7.	Mất ngủ	4	8	2	0	14	2	
8.	Thiếu năng tuần hoàn não	3	8	2	0	13	2	
9.	Tai biến mạch não	3	8	2	0	13	2	
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>64</b>	<b>16</b>	<b>0</b>		<b>16</b>	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

### 9. Phương pháp đánh giá học phần

#### 9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá



Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

## 9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
<b>Điểm thi kết thúc học phần</b>				
1	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	40%	- Kiến thức chính xác, cập nhật; - Hình thức trình bày theo quy định.	
2	Điểm lâm sàng	60%	- Thao tác kỹ năng đúng yêu cầu; - Logic và chính xác trong biện chứng điều trị	

## 10. Tài liệu học tập

- *Giáo trình học tập*

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

- *Tài liệu tham khảo*

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

Điều trị học nội khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.

Trung y nội khoa học, Nhà xuất bản nhân dân Bắc Kinh.

## 11. Hướng dẫn thực hiện

- Giáo vụ bộ môn căn cứ kế hoạch đào tạo của Học viện, xây dựng kế hoạch giảng dạy của học phần, trình Chủ nhiệm Bộ môn phê duyệt.

- Giảng viên thực hiện kế hoạch giảng dạy và lượng giá theo nhiệm vụ công việc được phân công.

- Giáo vụ bộ môn tổng hợp kết quả lượng giá, trình Chủ nhiệm Bộ môn phê duyệt, nộp gửi về bộ phận quản lý.

## 12. Cấp phê duyệt

TRƯỜNG KHOA

Hà Nội, ngày      tháng      năm 20  
**BỘ MÔN**



**PGS.TS Đoàn Quang Huy**

## 13. Tiến trình cập nhật đề cương:

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	<b>Người cập nhật</b>